

BẢNG TỔNG HỢP XẾP LOẠI HỘI THI HSG MÔN GDQP&AN CẤP THÀNH PHỐ

Môn thi: Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh - Lớp 10

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	Ghi chú
				Ngày	Th	Năm								
1	C10043	Võ Nguyễn Minh	Phương	24	4	2001	Phú Yên	Nữ	Kinh	10B3	THCS - THPT Đức Trí	Cụm 2	Giỏi	
2	C10030	Thái Thị Hoa	Đăng	17	10	2001		Nam		10A1	THPT An Lạc	Cụm 4	Giỏi	Thay bằng Trần Dư Quốc Anh
3	C10039	Nguyễn Thị Hà	Giang	10	4	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A1	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
4	C10036	Đoàn Tây	Đô	24	7	2001		Nam	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
5	C10044	Nguyễn Hữu	Hải	5	5	2001		Nam	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
6	C10041	Nguyễn Hồng Phương	Vy	4	1	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10B3	THCS - THPT Đức Trí	Cụm 2	Giỏi	
7	C10033	Hồ Văn	Đạt	21	7	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A10	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
8	C10035	Phạm Thanh	Điền	9	1	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A10	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
9	C10026	Trịnh Từ Minh	Chi	16	9	2001	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
10	C10029	Lê Hồ Linh	Đan	12	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A05	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	Giỏi	
11	C10025	Lê Thị Hồng	Châu	23	5	2001	Sóc Trăng	Nữ	Kinh	10A04	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
12	C10028	Nguyễn Quốc Bảo	Dân	11	3	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A09	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
13	C10038	Trương Trần Hoài	Giang	11	9	2001	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
14	C10048	Trần Ngọc Gia	Hân	27	4	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi	
15	C10031	Mai Thành	Danh	23	2	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi	
16	C10040	Võ Hoàng Lê	Giang	14	4	2001		Nữ	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
17	C10049	Phan Nguyễn Gia	Hân	4	9	2000		Nam		10A3	THPT An Lạc	Cụm 4	Giỏi	
18	C10053	Chung Tấn	Hiệp	17	9	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A09	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
19	C10054	Võ Tùng	Hiếu	19	11	2001	Cà Mau	Nam	Kinh	10B2	THCS - THPT Đức Trí	Cụm 2	Giỏi	
20	C10061	Nguyễn Thị Thiên	Hương	17	10	2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	10A10	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
21	C10051	Phạm Gia	Hân	24	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	10A10	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
22	C10055	Nguyễn Mạnh	Hiếu	5	4	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi	
23	C10056	Tô Quốc	Hiếu	26	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A05	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	Giỏi	
24	C10071	Nguyễn Bích Kim	Khánh	19	9	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A05	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	Giỏi	
25	C10050	Sâm Phi	Hân	19	9	2001	Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
26	C10052	Huỳnh Nhật	Hào	24	2	2001		Nam	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
27	C10058	Tô Huệ	Hồng	11	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi	
28	C10063	Nguyễn Gia	Huy	30	6	2001		Nam	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
29	C10070	Hoàng Kim	Khanh	14	1	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A07	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
30	C10062	Lê Hồ Quang	Huy	14	2	2001		Nam	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
31	C10090	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	9	1	2001	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A1	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
32	C10081	Đinh Tiên	Long	6	11	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10D1	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi	
33	C10092	Phạm Thu	Ngân	12	10	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A1	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
34	C10082	Nguyễn Ngọc Hương	Thảo	1	12	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10B1	THCS - THPT Đức Trí	Cụm 2	Giỏi	

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	Ghi chú
				Ngày	Th	Năm								
35	C10077	Hà Gia	Lệ	28	11	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	10A05	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	Giỏi	
36	C10091	Võ Kim	Ngân	2	4	2001	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
37	C10083	Thái Kim	Lương	7	7	2001	Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
38	C10085	Dương Văn	Minh	4	2	2001		Nam	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
39	C10095	Trương Bảo	Ngọc	24	5	2001	Gia Lai	Nữ	Kinh	10A10	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
40	C10073	Nguyễn Đình Minh	Khôi	22	1	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10B2	THCS - THPT Đức Trí	Cụm 2	Giỏi	
41	C10079	Trần Nguyễn Yến	Linh	9	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A10	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
42	C10084	Nguyễn Thanh Tuyết	Mai	22	4	2001	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A2	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
43	C10096	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	20	8	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
44	C10074	Dương Đăng	Khôi	31	12	2001		Nam	Hoa	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
45	C10094	Trần Thị Tuyết	Ngọc	12	12	2001	Đồng Nai	Nữ	Kinh	10A10	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
46	C10080	Đỗ Nguyễn Khánh	Linh	30	10	2001	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	10A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
47	C10179	Nguyễn Ngọc	Yến	4	6	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A1	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
48	C10177	Võ Hồng	Yến	16	11	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A05	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	Giỏi	
49	C10180	Phan Kim	Yến	25	11	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A10	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
50	C10178	Dương Thị	Yến	8	10	2001	Nam Định	Nữ	Kinh	10A10	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
51	C10173	Nguyễn Ngọc Khải	Vy	29	11	2001	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A3	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	Thay bằng Nguyễn Hoàng Phi Long
52	C10176	Nguyễn Như	Ý	30	3	2001	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	10A04	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
53	C10113	Lâm Lệ	Phụng	28	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	10A09	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
54	C10119	Lâm Thị Phương	Quyên	29	6	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
55	C10098	Trần Đắc	Nhật	12	7	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi	
56	C10102	Trần Vũ Trang	Nhi	27	7	2001	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A3	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
57	C10110	Nguyễn Hoàng	Phúc	29	9	2001		Nam	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
58	C10112	Nguyễn Kim	Phụng	10	10	2001		Nam		10A3	THPT An Lạc	Cụm 4	Giỏi	
59	C10115	Dương Tú	Phượng	23	4	2000	Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
60	C10097	Võ Hoàng	Nhất	23	11	2001		Nam		10A1	THPT An Lạc	Cụm 4	Giỏi	
61	C10103	Nguyễn Yến	Nhi	28	11	2001		Nữ	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
62	C10105	Đỗ Ngọc Yến	Nhi	5	10	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A10	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
63	C10114	Vũ Ngô Uyên	Phương	22	7	2001		Nữ	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
64	C10120	Nguyễn Phước	Quyên	24	9	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A3	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Giỏi	
65	C10106	Trương Yến	Như	26	6	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C8	THPT Nguyễn Văn Linh	Cụm 2	Giỏi	
66	C10100	Nguyễn Vũ Thanh	Nhi	23	11	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C3	THPT Nguyễn Văn Linh	Cụm 2	Giỏi	
67	C10126	Phạm Quang	Sang	5	6	2001	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
68	C10130	Phạm Thành	Tài	21	10	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A09	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
69	C10138	Nguyễn Thị Phương	Thảo	24	6	2001	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	10A1	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
70	C10139	Phan Huỳnh Phương	Thảo	30	9	2001	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
71	C10141	Võ Thị Thu	Thảo	21	1	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A06	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
72	C10144	Nguyễn Minh	Thy	20	8	2001	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
73	C10123	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	1	9	2001	Huế	Nữ	Kinh	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
74	C10133	Phạm Quang	Thành	15	2	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10D4	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi	
75	C10134	Nguyễn Trần Phước	Thành	27	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi	

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	Ghi chú
				Ngày	Th	Năm								
76	C10142	Võ Mai	Thi	1	11	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A07	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
77	C10127	Bùi Minh	Sang	28	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A10	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
78	C10122	Trần Xuân	Quỳnh	28	2	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A05	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	Giỏi	
79	C10132	Phạm Đức	Thăng	25	1	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10D3	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi	
80	C10143	Nguyễn Thị Bích	Thủy	28	12	2001		Nữ	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
81	C10125	Chu Khánh	Sang	22	3	2001	TIỀN GIANG	Nam	Kinh	10C8	THPT Nguyễn Văn Linh	Cụm 2	Giỏi	
82	C10128	Nguyễn Thanh	Sơn	8	3	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10C5	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Giỏi	
83	C10148	Lê Nguyễn Quỳnh	Trâm	14	6	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A1	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
84	C10147	Phạm Trần	Tiến	26	10	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A1	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi	
85	C10162	Đinh Thị Thanh	Trúc	27	7	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A06	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
86	C10153	Phạm Đặng Bảo	Trần	16	8	2001		Nữ	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
87	C10156	Nguyễn Thị Hồng	Trang	30	11	2001	Quảng Trị	Nữ	Kinh	10A1	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
88	C10167	Nguyễn Võ Anh	Tuấn	5	12	2000		Nam		10A3	THPT An Lạc	Cụm 4	Giỏi	
89	C10161	Đào Duy	Tân	14	7	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10B2	THCS - THPT Đức Trí	Cụm 2	Giỏi	
90	C10145	Lê Phạm Nhã	Thy	27	7	2001		Nữ	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
91	C10159	Nguyễn Hữu Minh	Triết	22	1	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A7	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi	
92	C10163	Lê Thành	Trung	21	7	2001	Đồng Tháp	Nam	Kinh	10A04	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
93	C10168	Trương Hạnh Thanh	Tuyền	8	1	2001		Nữ	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
94	C10160	Hoàng Quốc	Triệu	14	5	2001	Đồng Nai	Nam	Kinh	10A1	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
95	C10152	Nguyễn Trần Bảo	Trần	28	12	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A1	THPT DL Ngôi Sao	Cụm 4	Giỏi	
96	C10007	Lương Hồng	Ẩn	19	1	2001	Đồng Nai	Nữ	Kinh	10A1	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
97	C10015	Ngô Huỳnh	Anh	21	10	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	10A05	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	Giỏi	
98	C10001	Hồ Ngọc Thúy	Ái	16	6	2001		Nữ	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi	
99	C10018	Lê Nhị	Bách	27	8	2001	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
100	C10020	Nguyễn Thị Thanh	Bình	31	3	2001	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
101	C10002	Hoàng Kim Mỹ	Mỹ	31	1	2001	Tiền Giang	Nữ	Kinh	10B3	THCS - THPT Đức Trí	Cụm 2	Giỏi	
102	C10004	Hoàng Phúc	An	21	10	2001	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Giỏi	
103	C10005	Hồng Thiên	Ẩn	17	9	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10B2	THCS - THPT Đức Trí	Cụm 2	Giỏi	
104	C10010	Bùi Trịnh Trâm	Anh	21	3	2001	Thái Bình	Nữ	Kinh	10B2	THCS - THPT Đức Trí	Cụm 2	Giỏi	
105	C10011	Trần Kiều	Anh	11	8	2001	Cà Mau	Nữ	Kinh	10B2	THCS - THPT Đức Trí	Cụm 2	Giỏi	
106	C10016	Nguyễn Thị Lan	Anh	20	2	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A05	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	Giỏi	
107	C10023	Trương Ngọc	Châu	8	9	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A10	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
108	C10003	Nguyễn Phúc Khang	An	13	12	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi	
109	C10014	Phan Hà Thái	Anh	29	1	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi	
110	C10017	Dương Quỳnh	Anh	8	1	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A10	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Giỏi	
111	C10021	Nguyễn Thị Lưu	Bình	18	2	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
112	C10034	Nguyễn Thị Minh	Diễm	1	6	2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	10A7	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
113	C10027	Nguyễn Ngọc Trúc	Chi	31	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C5	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
114	C10042	Trần Thị Thanh	Hà	12	2	2001	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	10A3	THPT Lương Thế Vinh	Cụm 1	Khá	
115	C10032	Nguyễn Tấn	Đạt	11	7	2001		Nam	Kinh	10C03	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Khá	
116	C10046	Trần Phạm Bảo	Hân	27	10	2001	Cần Thơ	Nữ	Kinh	10A3	THPT Lương Thế Vinh	Cụm 1	Khá	

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	Ghi chú
				Ngày	Th	Năm								
117	C10072	Trần Đặng Anh	Khoa	12	9	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Khá	
118	C10059	Phạm Nguyễn Quốc	Hung	24	3	2001	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A12	THPT Nguyễn Thái Bình	Cụm 5	Khá	
119	C10066	Nguyễn Thanh	Huyền	28	8	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A10	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Khá	
120	C10067	Nguyễn Thị Thu	Huyền	2	8	2001	Hà Tây	Nữ	Kinh	10A11	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
121	C10064	Trần Thị Ngọc	Huyền	24	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10V1	THCS & THPT Bắc Mỹ	Cụm 1	Khá	
122	C10060	Phạm Minh	Hương	1	3	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A3	THPT Lương Thế Vinh	Cụm 1	Khá	
123	C10068	Võ Trương Mỹ	Khang	19	2	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C2	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
124	C10057	Dương Lý Quỳnh	Hoa	20	1	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A3	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
125	C10078	Thiều Nguyễn Khánh	Linh	15	3	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Khá	
126	C10087	Trương Mỹ	Na	22	9	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Khá	
127	C10086	Nguyễn Thị Kiều	My	4	12	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A3	THPT Lương Thế Vinh	Cụm 1	Khá	
128	C10093	Trần Huệ	Ngân	25	4	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C7	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
129	C10171	Bùi Khánh	Vy	4	8	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A3	THPT Lương Thế Vinh	Cụm 1	Khá	
130	C10175	Trần Lê	Vy	19	1	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C5	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
131	C10169	Nguyễn Đình	Văn	7	12	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10C5	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
132	C10174	Cao Phương	Vy	11	4	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A7	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
133	C10170	Au Trúc	Vi	1	9	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Khá	
134	C10107	Lê Hoàng	Oanh	16	10	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A11	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
135	C10116	Đoàn Hồng	Quân	13	8	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A1	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Khá	
136	C10104	Huỳnh Yến	Nhi	7	10	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A7	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
137	C10111	Trần Quang	Phúc	11	10	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10C5	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
138	C10118	Nguyễn Lê Bảo	Quyên	13	12	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A11	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
139	C10101	Nguyễn Yến	Nhi	18	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Khá	
140	C10117	Nguyễn Ngọc Nhã	Quyên	31	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A3	THPT Lương Thế Vinh	Cụm 1	Khá	
141	C10136	Nguyễn Lâm Thanh	Thảo	14	6	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Khá	
142	C10137	Nguyễn Phương Ngọc	Thảo	23	7	2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	10A1	THPT DL Ngôi Sao	Cụm 4	Khá	
143	C10131	Võ Thị Hồng	Thắm	10	6	2001	Bến Tre	Nữ	Kinh	10C5	THPT Nguyễn Văn Linh	Cụm 2	Khá	
144	C10124	Trần Ngọc Mỹ	Quỳnh	20	1	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A10	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Khá	
145	C10129	Triệu Minh	Tài	1	10	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	10A3	THPT Lương Thế Vinh	Cụm 1	Khá	
146	C10121	Nguyễn Đặng Như	Quỳnh	31	10	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C6	THPT Nguyễn Văn Linh	Cụm 2	Khá	
147	C10140	Trịnh Trần Thanh	Thảo	20	10	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A10	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Khá	
148	C10146	Phạm Hoàng Long	Tiên	30	6	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C2	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
149	C10150	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	3	5	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C5	THPT Nguyễn Văn Linh	Cụm 2	Khá	
150	C10154	Trần Hoàng Hải	Trần	28	5	2001	Huế	Nữ	Kinh	10C7	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
151	C10165	Hoàng Thị Thanh	Tú	14	9	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A10	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Khá	
152	C10155	Lê Thị Huyền	Trang	25	9	2001	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	10A10	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	Khá	
153	C10158	Trần Thị Thu	Trang	2	9	2001	ĐakLak	Nữ	Kinh	10C7	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
154	C10149	Phạm Lê Tú	Trần	4	10	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A3	THPT Lương Thế Vinh	Cụm 1	Khá	
155	C10151	Nguyễn Hà Bảo	Trần	31	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Khá	
156	C10157	Trần Lê Thu	Trang	2	7	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A3	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Khá	
157	C10166	Vũ Quang	Tuấn	2	5	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Khá	

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	Ghi chú
				Ngày	Th	Năm								
158	C10022	Nguyễn Lai Gia	Bội	13	11	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C1	THPT Nguyễn Văn Linh	Cụm 2	Khá	
159	C10012	Huỳnh Kim	Anh	18	10	2001	CẦN THƠ	Nữ	Kinh	10C6	THPT Nguyễn Văn Linh	Cụm 2	Khá	
160	C10019	Trần Vũ Xuân	Bình	5	9	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C10	THPT Nguyễn Văn Linh	Cụm 2	Khá	
161	C10013	Nguyễn Thùy Quỳnh	Anh	20	9	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Khá	
162	C10006	Trần Hồng Thiên	Ân	16	4	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Khá	
163	C10045	Tổng Gia	Hân	25	6	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A3	THPT Lương Thế Vinh	Cụm 1	Trung bình	
164	C10069	Nguyễn Ngọc Phương	Khanh	23	11	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A5	THPT Thủ Đức	Cụm 8	Trung bình	
165	C10088	Nguyễn Phạm Thanh	Ngân	9	1	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A3	THPT Lương Thế Vinh	Cụm 1	Trung bình	
166	C10076	Trần Thị Ngọc	Lan	19	11	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C3	THPT Tân Túc	Cụm 4	Trung bình	
167	C10089	Nguyễn Kim	Ngân	8	9	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10L2	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Trung bình	
168	C10108	Phạm Thị Hồng	Phúc	22	8	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A3	THPT Lương Thế Vinh	Cụm 1	Trung bình	
169	C10164	Nguyễn Nhật	Trường	21	3	2001	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10C3	THPT Tân Túc	Cụm 4	Trung bình	
170	C10009	Trần Minh	Anh	30	9	2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	10A3	THPT Lương Thế Vinh	Cụm 1	Trung bình	

Người lập bảng

Trong danh sách:

Tổng số:

170

SL Giới:

111

SL Khá:

51

SL T.Bình:

8

Lê Xuân Mẫn

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

BẢNG TỔNG HỢP XẾP LOẠI HỘI THI HSG MÔN GDQP&AN CẤP THÀNH PHỐ

Môn thi: Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh - Lớp 11

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	Ghi Chú
				Ngày	Th	Năm								
1	C11001	Võ Hồ Khánh	An	12	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
2	C11004	Bùi Bình	An	14	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ		11B2	THPT Gò Vấp	Cụm 6	Giỏi	
3	C11006	Lê Minh	Anh	4	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
4	C11007	Phan Thị Bảo	Anh	22	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
5	C11009	Trần Ngọc Quế	Anh	5	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CS	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi	
6	C11010	Nguyễn Thái	Anh	27	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A1	THPT DL Ngôi Sao	Cụm 4	Giỏi	
7	C11011	Huỳnh Mỹ Trâm	Anh	20	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11B7	THPT Tân Túc	Cụm 4	Giỏi	
8	C11012	Nguyễn Phạm Nam	Anh	6	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
9	C11013	Phạm Thị Quế	Anh	18	11	2000	Ninh Bình	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
10	C11014	Trịnh Thị Quế	Anh	2	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
11	C11015	Trần Quỳnh	Anh	25	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
12	C11017	Vương Kim	Chi	18	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	11A06	THPT Bình Phú	Cụm 4	Giỏi	
13	C11019	Ngô Mạnh	Cường	26	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11D	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
14	C11021	Vũ Nguyễn Minh	Đạt	26	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11D	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
15	C11022	Trần Việt Quốc	Đạt	9	11	2000	Bình Dương	Nam	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
16	C11023	Phan Tấn	Đạt	17	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A08	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
17	C11024	Vũ Minh	Đức	10	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CL	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
18	C11025	Bùi Trương Thùy	Dung	19	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A02	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Cụm 2	Giỏi	
19	C11027	Nguyễn Thùy	Dương	10	8	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
20	C11028	Phạm Thanh	Dương	28	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Cụm 2	Giỏi	
21	C11029	Đặng Thùy	Dương	20	2	2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	11CS	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi	
22	C11030	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	13	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ		11B2	THPT Gò Vấp	Cụm 6	Giỏi	
23	C11031	Võ Nguyễn Anh	Duy	6	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CS	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
24	C11032	Nguyễn Đỗ Quốc	Duy	25	9	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
25	C11033	Trương Mỹ	Duyên	2	5	1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A1	THPT Nguyễn Trãi	Cụm 2	Giỏi	
26	C11036	Văn Thị Lệ	Giang	14	11	2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	11B15	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Giỏi	
27	C11039	Mai Thị Ngọc	Hà	27	9	1999	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
28	C11041	Nguyễn Đặng Bảo	Hân	28	8	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A03	THPT Bình Phú	Cụm 4	Giỏi	
29	C11042	Hoàng Mỹ	Hạnh	16	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CS	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi	
30	C11045	Vũ Bích	Hiền	20	2	2000	Đồng Nai	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
31	C11046	Phạm Thị	Hiền	23	5	2000	Thái Bình	Nữ	Kinh	11A10	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
32	C11047	Trần Lê Ngọc	Hiếu	2	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	Ghi Chú
				Ngày	Th	Năm								
33	C11048	Nguyễn Thị Mai	Hoa	24	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
34	C11049	Đổng Duy	Hùng	4	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A02	THPT Võ Văn Kiệt	Cụm 2	Giỏi	
35	C11050	Hà Gia	Hùng	29	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A2	THPT Nguyễn Tất Thành	Cụm 4	Giỏi	
36	C11052	Vũ Quốc	Hưng	10	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CL	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
37	C11053	Hoàng Mai Thảo	Hương	13	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CS	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
38	C11054	Trần Thụy Diễm	Hương	11	2	2000	Kiên Giang	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
39	C11056	Lê Thị Huỳnh	Hương	21	9	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
40	C11057	Trần Minh	Huy	3	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CS	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
41	C11058	Trần Minh	Huy	19	5	2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	11A09	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Cụm 2	Giỏi	
42	C11062	Lã Thị Ngọc	Huyền	14	8	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
43	C11065	Nguyễn Nhật Uyên	Khanh	30	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
44	C11067	Phạm Nguyễn Nhã	Khánh	21	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
45	C11068	Lê Trung	Kiên	16	9	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CA2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
46	C11069	Trần Vĩnh	Kiệt	27	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A4	THPT Nguyễn Tất Thành	Cụm 4	Giỏi	
47	C11071	Huỳnh Thiên	Kim	22	4	2000	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	11A1	THPT DL Ngôi Sao	Cụm 4	Giỏi	
48	C11073	Trương Trúc	Liễu	11	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi	
49	C11074	Phạm Nguyễn Khánh	Linh	6	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CA3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
50	C11075	Lê Thị Khánh	Linh	13	7	2000	Hà Tây	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
51	C11076	Trần Thị Mộng	Linh	20	3	2000	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
52	C11079	Ủ Cao Kỳ	Long	7	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CL	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
53	C11080	Huỳnh Ngọc	Mai	3	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	11A01	THPT Bình Phú	Cụm 4	Giỏi	
54	C11081	Phan Thị Quỳnh	Mai	3	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
55	C11082	Lê Ngọc Quỳnh	Mai	11	9	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
56	C11085	Đoàn Bình	Minh	13	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
57	C11088	Mạch Tổ	My	26	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	11A08	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
58	C11089	Nguyễn Phạm Xuân	Mỹ	19	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11D	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
59	C11090	Lê Gia	Mỹ	27	10	2000	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	11A8	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	Giỏi	Thay bằng Võ Hoàng Khánh Linh
60	C11091	Hồ Thị Cẩm	Ngà	10	8	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
61	C11093	Phạm Thị Kim	Ngân	30	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A02	THPT Võ Văn Kiệt	Cụm 2	Giỏi	
62	C11094	Dương Thị Kim	Ngân	18	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A15	THPT Nguyễn Tất Thành	Cụm 4	Giỏi	
63	C11095	Đặng Lê Thanh	Ngân	2	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ		11B3	THPT Gò Vấp	Cụm 6	Giỏi	
64	C11096	Nguyễn Lê Đông	Nghi	14	1	2000	Gò Công	Nữ	Kinh	11A02	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Cụm 2	Giỏi	
65	C11097	Huỳnh Trọng	Nghĩa	16	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
66	C11098	Tô Thị Tuyết	Ngọc	6	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Cụm 2	Giỏi	
67	C11099	Nguyễn Hồng	Ngọc	26	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi	Thay bằng Trần Huy Khôi
68	C11100	Nguyễn Yến	Ngọc	3	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
69	C11101	Nguyễn Chí	Nguyên	17	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
70	C11102	Trần Minh	Nhật	24	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A2	THPT Nguyễn Trãi	Cụm 2	Giỏi	
71	C11105	Nguyễn Thị Yến	Nhi	1	9	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A4	THPT Nguyễn Tất Thành	Cụm 4	Giỏi	

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	Ghi Chú
				Ngày	Th	Năm								
72	C11106	Đàm Bảo	Nhi	3	4	1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
73	C11107	Lê Thị Yến	Nhi	25	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
74	C11108	Phạm Thị Uyển	Nhi	15	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
75	C11109	Đoàn Thị	Nhi	27	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ		11B3	THPT Gò Vấp	Cụm 6	Giỏi	
76	C11111	Huỳnh Trang Thảo	Nhi	8	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
77	C11112	Lê Yến	Nhi	10	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
78	C11113	Phan Thị Ngọc	Nhi	29	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
79	C11114	Phan Thị Quỳnh	Nhi	27	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
80	C11115	Nguyễn Ánh	Như	1	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A8	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	Giỏi	
81	C11118	Trịnh Thủy	Ni	1	12	2000	Kiên Giang	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
82	C11119	Trần Nguyễn Thùy	Oanh	7	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ		11B5	THPT Gò Vấp	Cụm 6	Giỏi	
83	C11120	Nguyễn Đoàn Hồng	Phúc	16	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
84	C11122	Nguyễn Hoàng Minh	Phuong	7	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Cụm 2	Giỏi	
85	C11123	Huỳnh Nguyễn Kim	Phuong	1	11	2000	Đồng Nai	Nữ	Kinh	11CS	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi	
86	C11124	Tăng Thị Trúc	Phuong	22	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11B10	THPT Tân Túc	Cụm 4	Giỏi	
87	C11125	Dương Kiều	Phuong	4	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
88	C11126	Hồ Hoàng Nhật	Phuong	22	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
89	C11127	Nguyễn Trọng	Quân	18	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
90	C11128	Ngô Thái	Tài	28	9	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11B14	THPT Tân Túc	Cụm 4	Giỏi	
91	C11129	Lý Bình	Tân	29	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A13	THPT Nguyễn Tất Thành	Cụm 4	Giỏi	
92	C11130	LÊ NGUYỄN	TÂN	13	5	2000	QUẢNG TRỊ	Nam	Kinh	11A1	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Giỏi	
93	C11131	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	16	11	2000	Thái Bình	Nữ	Kinh	11CS	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
94	C11132	Lâm Tuyền	Thăng	25	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11CV	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
95	C11133	Tân Tuấn	Thành	25	8	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A09	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
96	C11134	Huỳnh Ngọc Thanh	Thảo	8	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A2	THPT Nguyễn Trãi	Cụm 2	Giỏi	
97	C11135	Lê Nguyễn Thanh	Thảo	7	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
98	C11136	Lê Thu	Thảo	18	8	2000	Bình Dương	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
99	C11137	Chế Hồng Bảo	Thi	2	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CS	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi	
100	C11139	Nguyễn Hữu	Thọ	18	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam		11B5	THPT Gò Vấp	Cụm 6	Giỏi	
101	C11140	Nguyễn Hoài	Thông	29	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
102	C11141	Đỗ Thị Thu	Thủy	11	12	2000	Bình Dương	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
103	C11142	Nguyễn Thu	Thủy	15	10	2000	HẢI PHÒNG	Nữ	Kinh	11A08	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Cụm 2	Giỏi	
104	C11143	Lại Minh	Thy	4	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CA1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
105	C11144	Huỳnh Thị Thùy	Tiên	25	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Cụm 2	Giỏi	
106	C11145	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	2	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi	
107	C11146	Trương Ngọc	Tiên	7	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A09	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
108	C11147	Châu Ngọc Minh	Trâm	12	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
109	C11148	Nguyễn Thị Bích	Trâm	28	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A09	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
110	C11150	Lê Thị Thu	Trang	26	8	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	Ghi Chú
				Ngày	Th	Năm								
111	C11151	Đoàn Thị Mỹ	Trang	22	9	2000	An Giang	Nữ	Kinh	11B8	THPT Tân Túc	Cụm 4	Giỏi	
112	C11152	Trần Hoàng Phương	Trình	28	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CS	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi	
113	C11153	Huỳnh Thị Ngọc	Trình	3	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
114	C11154	Trần Hồ Thảo	Trình	4	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
115	C11156	Nguyễn Hoàng	Trung	21	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam		11B5	THPT Gò Vấp	Cụm 6	Giỏi	
116	C11158	Ngô Anh	Tú	13	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
117	C11159	Nguyễn Thị Thanh	Tú	25	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
118	C11160	Nguyễn Phạm Ngọc	Tuấn	27	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi	
119	C11162	Trần Thị Mỹ	Tuyền	30	4	2000	An Giang	Nữ	Kinh	11A09	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
120	C11164	Võ Thị Mỹ	Uyên	31	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ		11B3	THPT Gò Vấp	Cụm 6	Giỏi	
121	C11165	Nguyễn Thị Phương	Uyên	6	1	2000	Đồng Nai	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
122	C11166	Nguyễn Thị Thanh	Vân	24	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
123	C11167	Phùng Lê	Vân	8	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
124	C11168	Viên Nhật	Vi	13	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CA3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	Giỏi	
125	C11169	Nguyễn Thị Tường	Vi	9	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A1	THPT Nguyễn Trãi	Cụm 2	Giỏi	
126	C11170	Dương Quốc	Việt	29	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Giỏi	
127	C11171	Phạm Thị Thiên	Vũ	8	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A10	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
128	C11174	Nguyễn Hạ	Vy	12	7	2000	Hà Nam	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
129	C11175	Tạ Thanh	Vy	1	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ		11B2	THPT Gò Vấp	Cụm 6	Giỏi	
130	C11176	Lý Gia	Xuân	3	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	11A10	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
131	C11177	Ngô Lê Như	Ý	6	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A2	THPT Nguyễn Trãi	Cụm 2	Giỏi	
132	C11179	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	25	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Giỏi	
133	C11002	Nguyễn Trần Gia	An	23	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CS	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Khá	Thay bằng Nguyễn Phương Hạnh
134	C11003	Nguyễn Mỹ	An	2	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11B8	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Khá	
135	C11005	Trần Huỳnh Thùy	Ân	12	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
136	C11008	Nguyễn Văn Quốc	Anh	5	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CV1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Khá	
137	C11016	Phạm Hoàng	Bảo	21	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A03	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Cụm 2	Khá	
138	C11020	Hứa Quốc	Cường	10	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A07	THPT Võ Văn Kiệt	Cụm 2	Khá	
139	C11026	Nguyễn Thị Kim	Dung	9	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thạnh	Cụm 5	Khá	
140	C11035	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	6	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Khá	
141	C11038	Đàm Thị Thanh	Hà	19	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Khá	
142	C11040	CHÂU TRƯỜNG HOÀNG	HẢI	22	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A1	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Khá	
143	C11043	Nguyễn Minh	Hạnh	6	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CT2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Khá	
144	C11044	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	3	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
145	C11051	Nim Chí	Hùng	4	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A06	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
146	C11055	Lê Trần Quỳnh	Hương	21	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A8	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	Khá	
147	C11059	NGUYỄN QUANG	HUY	21	1	2000		Nam		11A6	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Khá	
148	C11060	Trần Phan Nhật	Huy	15	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam		11B2	THPT Gò Vấp	Cụm 6	Khá	
149	C11061	Lê Ngọc	Huyền	12	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A07	THPT Võ Văn Kiệt	Cụm 2	Khá	

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	Ghi Chú
				Ngày	Th	Năm								
150	C11063	Đoàn Nhật	Khang	18	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CH1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Khá	
151	C11064	Lê Duy	Khanh	13	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11B10	THPT Tân Túc	Cụm 4	Khá	
152	C11066	Trần Thị Kiều	Khanh	11	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Khá	
153	C11070	Nguyễn Thị Mỹ	Kiều	26	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Khá	
154	C11072	Nguyễn Thiên Song	Kim	15	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A8	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	Khá	
155	C11077	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	19	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	Khá	
156	C11084	Bùi Hoàng Ngọc	Minh	23	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thanh	Cụm 5	Khá	
157	C11087	Hàng Phương	My	30	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	11A11	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
158	C11092	Đỗ Nguyễn Kim	Ngân	1	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A14	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Cụm 2	Khá	
159	C11103	Nguyễn Ngọc Hoàng	Nhi	21	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Khá	Thay bằng Trần Nguyễn Dạ Thảo
160	C11104	Trần Thị Tú	Nhi	3	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	11B15	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Khá	
161	C11110	Võ Thị Yến	Nhi	16	4	2000	Bình Định	Nữ	Kinh	11A8	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	Khá	
162	C11117	Nguyễn Hồ Phi	Nhung	24	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A13	THPT Tây Thanh	Cụm 5	Khá	
163	C11121	Lâm Mỹ	Phụng	13	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
164	C11138	Nguyễn Đức	Thịnh	25	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A02	THPT Võ Văn Kiệt	Cụm 2	Khá	
165	C11149	Lê Huỳnh Bảo	Trân	22	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Khá	
166	C11157	Đình Hoàng	Tú	11	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CL2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Khá	
167	C11161	Ngô Anh	Tuấn	19	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh		Kinh	11A08	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
168	C11172	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	26	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Khá	
169	C11173	Nguyễn Lê Thảo	Vy	30	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11B8	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Khá	
170	C11178	Phạm Như	Ý	1	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Khá	
171	C11180	Bùi Thị Kim	Yến	14	1	1999		Nam		11A1	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Khá	
172	C11086	Cao Thị Diễm	My	15	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A09	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình	
173	C11116	Nguyễn Lê Huyền	Nhung	6	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CV1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Trung bình	Thay bằng Lê Nguyễn Phan Long
174	C11155	Lê Ngọc Phương	Trình	2	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A06	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình	

Người lập bảng

Trong danh sách:

SL dự thi: 174

SL Giới: 132

SL Khá: 39

SL T.Bình: 3

SL K.đạt: 0

Lê Xuân Mẫn

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

BẢNG TỔNG HỢP XẾP LOẠI HỘI THI HSG MÔN GDQP&AN CẤP THÀNH PHỐ
Môn thi: Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh - Lớp 12

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	ghi chú
				Ngày	Th	Năm								
1	C12001	Đoàn Thị Thúy	An	25	10	1999	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	12A1	THPT Phước Kiển	Cụm 2	Giỏi	
2	C12004	Lê Phương	Anh	10	8	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A25	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi	
3	C12014	Phan Nguyễn Ngọc	Bích	11	3	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A11	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Cụm 1	Giỏi	
4	C12015	Phạm Ngọc Minh	Châu	22	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12AD1	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi	
5	C12016	Vưu Bảo	Châu	28	8	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	12AD1	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi	
7	C12018	Nguyễn Phú Hải	Đăng	4	11	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12CL	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Giỏi	
8	C12023	Lê Minh	Đức	15	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12CT	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Giỏi	
9	C12032	Trần Đăng Thúy	Duyên	16	6	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A4	THPT Phước Kiển	Cụm 2	Giỏi	
10	C12034	Nguy Hương	Giang	9	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12CL	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Giỏi	
11	C12037	Võ Minh	Hạnh	6	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12AD1	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi	
12	C12038	Trần Thu	Hạnh	30	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	12A9	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi	
13	C12039	Trần Thị Thanh	Hiền	4	6	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12D2	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi	
14	C12041	Lê Minh	Hiếu	4	1	1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A08	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
15	C12043	Trần Huy	Hoàng	10	8	1999	Khánh Hòa	Nam	Kinh	12A1	THPT Phước Kiển	Cụm 2	Giỏi	
16	C12045	Nguyễn Quốc	Hưng	20	7	1999	Bình Định	Nam	Kinh	12CH	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Giỏi	
17	C12048	Hồ Quang	Huy	19	4	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A12	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Cụm 1	Giỏi	
18	C12049	Mai Nhật	Huy	27	3	1999	An Giang	Nam	Kinh	12A1	THPT Phước Kiển	Cụm 2	Giỏi	
19	C12050	Triệu Minh	Huy	26	4	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A11	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi	
20	C12062	Nguyễn Lê Duy	Khoa	25	11	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A12	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Cụm 1	Giỏi	
21	C12063	Nguyễn Hoàng	Khôi	9	11	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12CL	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Giỏi	
22	C12078	Lê Đình Phương Tiểu	My	19	3	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12D2	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi	
23	C12079	Nguyễn Hoàng Nga	My	31	3	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A5	THPT Lương Văn Can	Cụm 2	Giỏi	
24	C12087	Phan Thúy	Ngân	13	7	1999	Bến Tre	Nữ	Kinh	12A6	THPT Lương Văn Can	Cụm 2	Giỏi	
25	C12097	Phan Minh	Nguyệt	21	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	12A9	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi	
26	C12102	Lê Thị Yến	Nhi	1	4	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A12	THPT Bùi Thị Xuân	Cụm 1	Giỏi	
27	C12104	Đặng Vĩnh	Nhi	13	3	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	12CH	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Giỏi	
28	C12107	Trần Thị Hồng	Nhi	20	9	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A04	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
29	C12119	Lê Nguyễn Hoàng	Phong	31	1	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Phước Kiển	Cụm 2	Giỏi	
30	C12122	Nguyễn Đoàn Thảo	Phương	19	11	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A12	THPT Bùi Thị Xuân	Cụm 1	Giỏi	
31	C12123	Trần Nguyễn Khánh	Phương	31	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A12	THPT Bùi Thị Xuân	Cụm 1	Giỏi	
32	C12129	Nguyễn Đặng Tú	Quỳnh	9	1	1999	Đồng Nai	Nữ	Kinh	12CA	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Giỏi	
33	C12133	Nguyễn Tuấn	Tài	24	6	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A6	THPT Lương Văn Can	Cụm 2	Giỏi	

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	ghi chú
				Ngày	Th	Năm								
34	C12134	Hồ Thanh	Tâm	1	7	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12AD2	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi	
35	C12135	Đoàn Thị Hồng	Thắm	18	1	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A6	THPT Lương Văn Can	Cụm 2	Giỏi	
36	C12139	Đinh Thị Thanh	Thảo	1	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12C09	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Giỏi	
37	C12143	Lâm Hoàng Trúc	Thi	27	2	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A07	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
38	C12144	Nguyễn Thị Hoàng	Thơ	24	9	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A7	THPT Đa Phước	Cụm 4	Giỏi	
39	C12145	Trương Trọng	Thoại	15	7	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A23	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi	
40	C12147	Lê Hoàng Minh	Thư	24	9	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A5	THPT Lương Văn Can	Cụm 2	Giỏi	
41	C12148	Trần Mai	Thư	18	4	1999	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	12A5	THPT Lương Văn Can	Cụm 2	Giỏi	
42	C12153	Huỳnh Bá Phương	Trâm	22	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A6	THPT Lương Văn Can	Cụm 2	Giỏi	
43	C12156	Nguyễn Thị Thu	Trang	7	3	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A25	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi	
44	C12158	Trần Thị Thùy	Trang	13	9	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A1	THPT Đa Phước	Cụm 4	Giỏi	
45	C12160	Lưu Schang	Truyền	21	12	1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A07	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi	
46	C12166	Nguyễn Anh	Tuấn	11	11	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A11	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi	
47	C12170	Đỗ Phương	Vân	14	5	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A6	THPT Lương Văn Can	Cụm 2	Giỏi	
48	C12171	Lê Văn Thảo	Vi	17	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12AD1	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi	
49	C12174	Nguyễn Khánh	Vy	28	5	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A12	THPT Bùi Thị Xuân	Cụm 1	Giỏi	
50	C12175	Phan Thị Thanh	Vy	25	8	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A11	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Cụm 1	Giỏi	
51	C12176	Trương Thị Thanh	Vy	8	7	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	12A12	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Cụm 1	Giỏi	
52	C12177	Đỗ Phương	Vy	14	5	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A6	THPT Lương Văn Can	Cụm 2	Giỏi	
53	C12180	Hoàng Hải	Yến	13	1	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12CA	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Giỏi	
54	C12002	Lâm Thái Duy	An	28	6	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A08	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
55	C12003	Trần Bùi Mỹ	Anh	15	8	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A1	THPT Phước Kiển	Cụm 2	Khá	
56	C12007	Phan Huế	Anh	12	8	1999	Tiền Giang	Nữ	Kinh	12A7	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Khá	
57	C12011	Huỳnh Công	Bằng	1	4	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam		12	THCS - THPT Nguyễn Tri Phương	Cụm 6	Khá	
58	C12012	Nguyễn Đức	Bảo	23	5	1999	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	12A1	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Khá	
59	C12021	Trần Nguyễn Khánh	Đoan	2	9	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A25	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá	
60	C12024	Nguyễn Đình	Đức	1	10	1997	Thanh Hóa	Nam	Kinh	12A1	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Khá	
61	C12026	Nguyễn Ngọc	Dung	14	7	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A23	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá	
62	C12027	Trương Trần Kim	Dung	25	1	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A9	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Khá	
63	C12030	Nguyễn Hải	Dương	17	2	1999	Nam Định	Nam	Kinh	12A1	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Khá	
64	C12035	Phạm Thị Nguyệt	Hà	8	2	1999	Hải Phòng	Nữ	Kinh	12A4	THPT Bình Tân	Cụm 4	Khá	
65	C12042	Đỗ Ngân	Hoàn	11	8	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A04	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
66	C12044	Nguyễn Vũ	Hoàng	26	5	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12CA	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Khá	
67	C12047	Lê Thị Hồng	Hương	13	10	1999	Hải Dương	Nữ	Kinh	12C14	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá	
68	C12051	Nguyễn Lương	Huy	30	8	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12CH	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Khá	
69	C12054	Nguyễn Lê Ngọc	Huyền	24	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12AD2	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Khá	
70	C12055	Trần Văn	Huỳnh	10	2	1999	Hưng Yên	Nam	Kinh	12A1	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Khá	
71	C12056	Nguyễn Cao Hoài	I	21	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A2	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Khá	
72	C12057	Đường Diệp	Kha	28	3	1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	12D2	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Khá	

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	ghi chú
				Ngày	Th	Năm								
73	C12058	Nguyễn Thanh	Kha	2	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Bình Tân	Cụm 4	Khá	
74	C12059	Võ Lê Việt	Khải	25	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12CT	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Khá	
75	C12066	Lý Kim	Lệ	9	2	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	12A12	THPT Bùi Thị Xuân	Cụm 1	Khá	
76	C12067	Kiến Hiệp Thảo	Linh	17	11	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A25	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá	
77	C12069	Phạm Cao Kiều	Linh	9	10	1999	Gia Lai	Nữ	Kinh	12A4	THCS, THPT Phan Châu Trinh	Cụm 4	Khá	
78	C12068	Trần Hữu Hoài	Linh	28	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Đa Phước	Cụm 4	Khá	
79	C12071	Trần Nguyễn Xuân	Lộc	30	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A9	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Khá	
80	C12072	Nguyễn Thành	Luân	5	3	1997	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A04	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
81	C12073	Đặng Hoàng	Minh	18	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Phước Kiển	Cụm 2	Khá	
82	C12074	Hồ Phan	Minh	19	5	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12CL	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Khá	
83	C12075	Võ Văn	Minh	9	9	1999	Bình Định	Nam	Kinh	12A1	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Khá	
84	C12076	Trần Minh Nhật	Minh	20	11	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A9	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Khá	
85	C12077	Lại Xuân Quang	Minh	1	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A6	THPT Phước Long	Cụm 8	Khá	
86	C12080	Phạm Thị Diễm	My	2	1	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A1	THPT Đa Phước	Cụm 4	Khá	
87	C12084	Lý Quốc	Nam	16	11	1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A08	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
88	C12086	Phan Thị Tuyết	Nga	24	4	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A6	THPT Phước Long	Cụm 8	Khá	
89	C12088	Lê Nguyễn Ngọc	Ngân	21	3	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A23	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá	
90	C12089	Võ Hồng	Ngân	12	5	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A25	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá	Thay bằng Lâm Bảo Linh
91	C12090	Trương Huệ	Nghi	14	3	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	12A9	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá	
92	C12091	Nguyễn Bích Kim	Ngọc	25	1	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12AD2	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Khá	
93	C12094	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	11	4	1999	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	12A04	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
94	C12095	Thái Huỳnh	Ngọc	26	5	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A04	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
95	C12099	Lê Quang	Nhã	23	8	1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	12A08	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
96	C12100	Nguyễn Huỳnh Thanh	Nhàn	30	9	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A1	THPT Đa Phước	Cụm 4	Khá	
97	C12101	Dương Tô Kỳ	Nhân	22	8	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	12A25	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá	
98	C12108	Nguyễn Bảo	Như	26	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12CL	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Khá	
99	C12109	Lại Thị Quỳnh	Như	3	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A6	THPT Phước Long	Cụm 8	Khá	
100	C12110	Lê Thị Tuyết	Nhung	6	5	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A6	THPT Phước Long	Cụm 8	Khá	
101	C12111	Võ Minh	Nhật	20	11	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A04	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
102	C12113	Lê Nguyễn Hoàng	Oanh	14	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A1	THPT Phước Kiển	Cụm 2	Khá	
103	C12114	Trần Thị Ngọc	Oanh	2	10	1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	12C04	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá	
104	C12115	Huỳnh Ngọc	Phân	3	4	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	12A23	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá	
105	C12120	Đỗ Thanh	Phong	20	7	1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	12A08	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
106	C12121	Nguyễn	Phúc	12	3	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A04	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
107	C12124	Đỗ Nguyên	Phượng	15	5	1999	Hà Nội	Nữ	Kinh	12A2	THPT Phước Kiển	Cụm 2	Khá	
108	C12126	Nguyễn Kim	Phượng	17	6	1999	Cà Mau	Nữ	Kinh	12A01	THPT Vĩnh Lộc	Cụm 4	Khá	
109	C12130	Ngô Văn	Sang	1	9	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A11	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá	
110	C12132	Nguyễn Hoàng	Son	22	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A5	THPT Lương Văn Can	Cụm 2	Khá	
111	C12138	Huỳnh Tân	Thành	21	1	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A09	THPT Bình Phú	Cụm 4	Khá	

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	ghi chú
				Ngày	Th	Năm								
112	C12140	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21	4	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12C04	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá	
113	C12142	Nguyễn Trung Ngọc	Thảo	30	9	1999	Thái Bình	Nữ	Kinh	12A6	THPT Phước Long	Cụm 8	Khá	
114	C12149	Trương Anh	Thư	19	6	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12CL	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Khá	
115	C12150	Vũ Thị	Thúy	22	4	1999	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	12CL	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Khá	
116	C12151	Lê Gia	Thụy	6	7	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12CL	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Khá	
117	C12155	Lê Hoàng	Trang	15	8	1999	Bình Phước	Nữ	Kinh	12A23	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá	
118	C12157	Đàm Thu	Trang	19	9	1999	Thái Bình	Nữ	Kinh	12A1	THPT Bình Tân	Cụm 4	Khá	
119	C12161	Trần Khả	Tú	16	9	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A23	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá	
120	C12162	Nguyễn Thị Minh	Tú	16	3	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12CL	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Khá	
121	C12163	Nguyễn Trần Anh	Tú	19	4	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A2	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Khá	
122	C12165	Bùi Thanh	Tú	30	12	1998	Đak Lak	Nam	Kinh	12A04	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	Thay bằng Nguyễn Ngọc Phát
123	C12168	Nguyễn Võ Bội	Tuyền	14	2	1999	Tiền Giang	Nữ	Kinh	12A04	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	
124	C12169	Bùi Hoàng Phương	Uyên	25	2	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12CA	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Khá	
125	C12173	Đặng Bảo	Vinh	21	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A08	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá	Thay bằng Nguyễn Thùy Vân
126	C12178	Nguyễn Thị Thanh	Vy	12	8	1999	Trà Vinh	Nữ	Kinh	12A1	THPT Phước Kiển	Cụm 2	Khá	
127	C12179	Phạm Thị Như	Ý	24	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A9	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá	
128	C12005	Đặng Lê Tuấn	Anh	16	11	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12CL	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Trung bình	
129	C12006	Nguyễn Vũ Lan	Anh	23	4	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12C04	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình	
130	C12008	Dương Thị Phương	Anh	6	8	1999	Hà Nội	Nữ	Kinh	12A6	THPT Phước Long	Cụm 8	Trung bình	
131	C12009	Võ Hoàng	Anh	24	1	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A6	THPT Phước Long	Cụm 8	Trung bình	
132	C12013	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	26	7	1999		Nam		12A2	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Trung bình	
133	C12019	Phạm Ngọc	Danh	25	3	1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	12C08	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình	
134	C12025	Võ Trương Minh	Đức	10	6	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12	THCS - THPT Nguyễn Tri Phương	Cụm 6	Trung bình	
135	C12028	Nguyễn Tấn	Dũng	26	3	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12	THCS - THPT Nguyễn Tri Phương	Cụm 6	Trung bình	
136	C12029	Nguyễn Thị Thùy	Dương	27	9	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A25	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Trung bình	
137	C12040	Hồ Minh	Hiếu	13	12	1998	Bình Dương	Nam	Kinh	12A2	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Trung bình	Thay bằng Nguyễn An Hiếu
138	C12046	Phạm Huỳnh Thu	Hương	9	3	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A01	THPT Vĩnh Lộc	Cụm 4	Trung bình	
139	C12052	Trương Quang	Huy	15	2	1998	Đồng Nai	Nam	Kinh	12A08	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình	
140	C12061	Nguyễn Huỳnh Kim	Khanh	7	1	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12C04	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình	
141	C12064	Lương Minh	Kỳ	2	11	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam		12	THCS - THPT Nguyễn Tri Phương	Cụm 6	Trung bình	
142	C12065	Trần Nguyễn Hoàng	Lam	16	7	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12C04	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình	
143	C12070	Nguyễn Võ Thùy	Linh	5	11	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12C09	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình	
144	C12081	Lê Thị Trà	My	25	2	1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	12A9	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Trung bình	
145	C12085	Trần Hồ	Nam	1	1	1999		Nam	Kinh	12	THCS - THPT Nguyễn Tri Phương	Cụm 6	Trung bình	
146	C12083	Phạm Thanh	Nam	9	3	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A9	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Trung bình	
147	C12092	Trần Mỹ	Ngọc	22	5	1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A4	THPT Bình Tân	Cụm 4	Trung bình	
148	C12098	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	2	12	1999	Hà Nam	Nữ	Kinh	12C04	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình	
149	C12103	Ngô Thảo	Nhi	20	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A4	THCS, THPT Phan Châu Trinh	Cụm 4	Trung bình	
150	C12106	Huỳnh Yến	Nhi	27	1	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A9	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Trung bình	

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại	ghi chú
				Ngày	Th	Năm								
151	C12112	Nguyễn Lê Minh	Nhật	16	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam		12	THCS - THPT Nguyễn Tri Phương	Cụm 6	Trung bình	
152	C12116	Phạm Đức	Phát	23	7	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A09	THPT Bình Phú	Cụm 4	Trung bình	
153	C12117	Lê Ngọc	Phát	2	1	1999	Đắc Lắc	Nam	Kinh	12A2	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	Cụm 6	Trung bình	
154	C12125	Nguyễn Thanh	Phương	30	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A04	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình	Thay bằng Mai Trần Anh Khoa
155	C12127	Lê Hồng	Quân	14	2	1999	Gia Lai	Nam	Kinh	12A6	THPT Phước Long	Cụm 8	Trung bình	
156	C12128	Bùi Thị Ngọc	Quyên	26	9	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A6	THPT Phước Long	Cụm 8	Trung bình	
157	C12131	Ngô Hữu	Sang	10	4	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A4	THPT Bình Tân	Cụm 4	Trung bình	
158	C12137	Nguyễn Thị Phương	Thanh	3	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12C04	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình	
159	C12152	Phạm Hữu	Toàn	25	7	1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	12A04	THPTNguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình	
160	C12154	Nguyễn Hoàng Lê Tú	Trân	20	11	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12C09	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình	
161	C12159	Nguyễn Lê Thùy	Trang	12	12	1999	Đồng Nai	Nữ	Kinh	12C16	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình	
162	C12164	Trần Thị Thanh	Tú	4	10	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12C04	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình	
163	C12167	Giang Trí	Tường	22	7	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C04	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình	
164	C12172	Lâm Quốc	Việt	23	5	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12CT	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	Trung bình	

Người lập bảng

Trong danh sách:
SL dự thi: 163
SL Giỏi: 52
SL Khá: 74
SL T.Bình: 37
SL K.đạt: 0

Lê Xuân Mẫn

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

BẢNG TỔNG HỢP XẾP LOẠI HỘI THI HSG MÔN GDQP&AN CẤP THÀNH PHỐ
Môn thi: Bằng bố, cứu thương

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
1	BC0001	Trần Khánh	An	11	12	2001	TP.HCM	Nam	Kinh	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
2	BC0002	Nguyễn Thị Trường	An	11	12	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
3	BC0003	Lạc Tuyết	Ấn	9	10	2001	TP.HCM	Nữ	Hoa	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
4	BC0004	Nguyễn Võ Hồng	Ấn	24	1	2001	Tp. Hcm	Nữ	Kinh	10C11	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
5	BC0005	Nguyễn Hữu Tuấn	Anh	2	1	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10B	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
6	BC0006	Nguyễn Đặng Quế	Anh	18	3	2001	Kiên Giang	Nữ	Kinh	10C13	THPT Tân Túc	Cụm 4	Giỏi
7	BC0007	Phùng Nguyễn Đào Hoàng	Anh	22	8	2001	Tp.Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C06	THPT Phan Đăng Lưu	Cụm 6	Giỏi
8	BC0008	Lý Đức	Anh	30	5	2001	Hà Nội	Nam	Kinh	10C 1	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
9	BC0009	Vương Tùng	Anh	26	10	2001	Tp.hcm	Nam	Kinh	10C 7	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
10	BC0010	Nguyễn Phúc	Anh	24	10	2001	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A7	THPT Võ Thị Sáu	Cụm 6	Giỏi
11	BC0011	Bùi Huỳnh Trâm	Anh	26	4	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
12	BC0012	Đinh Phạm Trâm	Anh	7	1	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
13	BC0013	Đinh Thị Phương	Anh	26	2	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
14	BC0014	Trần Công	Bảo	10	8	2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	10C 6	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
15	BC0015	Nguyễn Anh	Bảo	11	12	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10B	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
16	BC0016	Bùi Lê Quốc	Bảo	18	9	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A03	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
17	BC0017	Nguyễn Gia	Bảo	15	11	2001	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A7	THPT Võ Thị Sáu	Cụm 6	Giỏi
18	BC0018	Thái Lê Thị	Bình	4	3	2001	Tp.Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C08	THPT Phan Đăng Lưu	Cụm 6	Giỏi
19	BC0019	Trịnh Hoàng Trân	Châu	9	6	2001	TP.HCM	Nữ	Kinh	10L4	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
20	BC0020	Trương Sỹ	Cường	14	1	2001	Thanh Hóa	Nam	Kinh	10A03	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
21	BC0021	Lê Huỳnh Quốc	Cường	3	7	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A09	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
22	BC0022	Lê Hải	Đăng	1	5	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A08	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
23	BC0023	Nguyễn Công	Đạt	1	6	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10C3	THPT Lê Minh Xuân	Cụm 4	Giỏi
24	BC0024	Trần Hữu	Đức	20	1	2001	Quảng Nam	Nam	Kinh	10C 1	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
25	BC0025	Ngô Công	Đức	9	4	2001	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A7	THPT Võ Thị Sáu	Cụm 6	Giỏi
26	BC0026	Đặng Khải	Dũng	2	1	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	10A10	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
27	BC0027	Mai Văn	Duy	19	3	2001	HCM	Nam	Kinh	10A3	THPT Phú Lâm	Cụm 4	Giỏi
28	BC0028	Phạm Minh	Duy	30	5	2000	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A6	THPT Long Trường	Cụm 8	Giỏi
29	BC0029	Trần Khánh	Duy	30	12	2001	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A2	THPT Long Trường	Cụm 8	Giỏi
30	BC0030	Nguyễn Mạnh	Duy	5	5	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	Giỏi
31	BC0031	Phạm Quang	Duy	6	4	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
32	BC0032	Nguyễn Trường	Giang	25	1	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10C15	THPT Lê Minh Xuân	Cụm 4	Giỏi

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
33	BC0033	Lưu Thị Hà	Giang	4	9	2001	Nam Định	Nữ	Kinh	10C 4	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
34	BC0034	Phi Hoàng	Hải	13	11	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10D07	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
35	BC0035	Lý Gia	Hân	15	1	2001	TP.HCM	Nữ	Hoa	10L4	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
36	BC0036	Trần Hồng Ngọc	Hân	22	1	2001	TP.HCM	Nữ	Kinh	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
37	BC0037	Thái Đăng Bảo	Hân	9	1	2001	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	10A5	THPT Võ Thị Sáu	Cụm 6	Giỏi
38	BC0038	Nguyễn Thị Ngọc	Hào	27	2	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C2	THPT Lê Minh Xuân	Cụm 4	Giỏi
39	BC0039	Hồ Thị	Hiền	10	6	2000	Quảng Trị	Nữ	Kinh	10D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	Giỏi
40	BC0040	Nguyễn Minh	Hiếu	8	4	2001	TP HCM	Nam	Kinh	10C10	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
41	BC0041	Nguyễn Thái Minh	Hiếu	21	12	2001	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A6	THPT Long Trường	Cụm 8	Giỏi
42	BC0042	Lê Hồ Trọng	Hiếu	1	5	2001	Cần Thơ	Nam	Kinh	10A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
43	BC0043	Phạm Thanh	Hoài	30	11	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
44	BC0044	Lê Việt	Hoàng	21	11	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10B	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
45	BC0045	Vũ Minh	Hoàng	9	1	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10D07	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
46	BC0046	Lê Thiên	Hưng	22	5	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10D07	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
47	BC0047	Phan Trần Gia	Huy	14	7	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10D07	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
48	BC0048	Trịnh Bảo	Huy	18	4	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10B	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
49	BC0049	Phạm Vũ Gia	Huy	6	7	2001	TP.HCM	Nam	Kinh	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
50	BC0050	Hoàng Đức	Huy	5	10	2001		Nam	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
51	BC0051	Trần Quang	Huy	27	12	2001		Nam	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
52	BC0052	Lưu Quốc	Huy	15	5	2001	An Giang	Nam	Hoa	10A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
53	BC0053	Nguyễn Dương Thanh	Huyền	26	5	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10D3	THPT Trần Văn Giàu	Cụm 6	Giỏi
54	BC0054	Đăng Ngọc	Khang	16	6	2001	Trà Vinh	Nam	Kinh	10C 2	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
55	BC0055	Trần Anh	Khoa	4	5	2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	10B	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
56	BC0056	Lê Đăng	Khoa	14	4	2001	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A5	THPT Võ Thị Sáu	Cụm 6	Giỏi
57	BC0057	Phan Thị Yến	Khoa	21	6	2001	Beến Tre	Nữ	Kinh	10A2	THPT Long Trường	Cụm 8	Giỏi
58	BC0058	Nguyễn Nhật	Khoa	7	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
59	BC0059	Trần Minh	Khôi	25	6	2001	TP.HCM	Nam	Kinh	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
60	BC0060	Trần Vĩnh Mạnh	Khuong	31	7	2001		Nam	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
61	BC0061	Tô Tuấn	Kiệt	9	2	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A09	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
62	BC0062	Nguyễn Anh	Kiệt	18	12	2001	Long An	Nam	Kinh	10C18	THPT Lê Minh Xuân	Cụm 4	Giỏi
63	BC0063	Trần Thiệu	Ký	29	12	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
64	BC0064	Trần Thị	Lan	15	3	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
65	BC0065	Nguyễn Thế Hồng	Lân	24	2	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10B	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
66	BC0066	Lý Gia	Linh	13	5	2001	An Giang	Nữ	Kinh	10L4	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
67	BC0067	Đỗ Khánh	Linh	1	9	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	Giỏi
68	BC0068	Đỗ Ngọc Trúc	Linh	31	7	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
69	BC0069	Nguyễn Nhựt Bảo	Long	8	1	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10B	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
70	BC0070	Nguyễn Lê Trường	Luân	2	5	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A07	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
71	BC0071	Nguyễn Thành	Luân	6	11	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A09	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
72	BC0072	Phạm Quốc	Lương	8	6	2001		Nam	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
73	BC0073	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Mai	4	3	2001	Tp HCM	Nữ	Kinh	10C14	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
74	BC0074	Lê Minh	Mẫn	7	11	2000	Cà Mau	Nam	Kinh	10A09	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
75	BC0075	Trần Anh	Minh	18	3	2001	Đắc Lắc	Nam	Kinh	10B	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
76	BC0076	Lê Anh	Minh	2	8	2001	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A7	THPT Võ Thị Sáu	Cụm 6	Giỏi
77	BC0077	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	17	7	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	Giỏi
78	BC0078	Đỗ Thị Diễm	My	21	11	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A11	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
79	BC0079	Tề Huế	Nga	14	8	2001	TP.HCM	Nữ	Hoa	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
80	BC0080	Phan Thanh	Ngân	12	2	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A11	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
81	BC0081	Huỳnh Thị Thu	Ngân	14	4	2001	TP.HCM	Nữ	Kinh	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
82	BC0083	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	8	5	2001	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10TA1	THPT Võ Thị Sáu	Cụm 6	Giỏi
83	BC0084	Nguyễn Thị Kim	Ngân	29	4	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
84	BC0085	Nguyễn Tấn	Nghi	17	9	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A08	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
85	BC0086	Phan Thái	Nghi	15	8	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10D3	THPT Trần Văn Giàu	Cụm 6	Giỏi
86	BC0087	Nguyễn Trung	Nghĩa	6	9	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10B	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
87	BC0088	Bùi Nguyễn Trọng	Nghĩa	31	7	2001	TP.HCM	Nam	Kinh	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
88	BC0089	Nguyễn Thanh	Nghĩa	21	7	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10C5	THPT Tân Túc	Cụm 4	Giỏi
89	BC0090	Đỗ Nguyên	Ngọc	24	3	2001	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10C 8	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
90	BC0091	Võ Văn Trung	Nhân	20	12	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A05	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
91	BC0092	Thạch Trần Trung	Nhân	26	3	2001	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A5	THPT Long Trường	Cụm 8	Giỏi
92	BC0093	Huỳnh Nguyễn Thục	Nhi	13	3	2001	TP.HCM	Nữ	Hoa	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
93	BC0094	Nguyễn Thanh	Nhi	17	5	2000	Bến Tre	Nữ	Kinh	10D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	Giỏi
94	BC0095	Lê Thị Huỳnh	Như	22	1	2001	Tiền Giang	Nữ	Kinh	10C15	THPT Lê Minh Xuân	Cụm 4	Giỏi
95	BC0096	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	2	1	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C18	THPT Lê Minh Xuân	Cụm 4	Giỏi
96	BC0097	Mai Thị Xuân	Như	19	3	2001	Q.tb Tphcm	Nữ	Kinh	10C 8	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
97	BC0098	Đinh Ngọc Yến	Như	2	10	2001	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A7	THPT Võ Thị Sáu	Cụm 6	Giỏi
98	BC0099	Nguyễn Phan Quỳnh	Như	5	9	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
99	BC0100	Lê Thị Hồng	Nhung	10	8	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
100	BC0101	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	17	3	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	10A04	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
101	BC0102	Nguyễn Tấn	Phát	8	4	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A09	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
102	BC0103	Trần Tứ	Phát	20	2	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A04	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
103	BC0104	Trần Văn Tiến	Phát	5	3	2001	Tiền Giang	Nam	Kinh	10A01	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
104	BC0105	Hà Ngọc	Phát	10	10	2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	10C5	THPT Tân Túc	Cụm 4	Giỏi
105	BC0106	Nguyễn Trần Tiến	Phát	4	1	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
106	BC0107	Trương Văn	Phi	2	12	2001	Trà Vinh	Nam	Kinh	10A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
107	BC0108	Võ Thanh	Phong	5	11	2001	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A7	THPT Long Trường	Cụm 8	Giỏi
108	BC0109	Nguyễn Khắc Tuệ	Phương	16	10	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C1	THPT Lê Minh Xuân	Cụm 4	Giỏi
109	BC0110	Vũ Trần Thanh	Phương	20	6	2001	Tp. HCM	Nữ	Kinh	10C 9	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
110	BC0111	Lâm Chí	Quốc	5	7	2001	TP.HCM	Nam	Hoa	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
111	BC0112	Lâm Hải	Quốc	24	10	2001		Nam	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
112	BC0113	Đặng Thị Mỹ	Quỳnh	22	5	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10D3	THPT Trần Văn Giàu	Cụm 6	Giỏi
113	BC0114	Nguyễn Mai Diễm	Quỳnh	9	9	2001	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A5	THPT Long Trường	Cụm 8	Giỏi
114	BC0115	Lương Kiến	Tài	12	12	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	10D07	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
115	BC0116	Trần Anh	Tài	30	6	2001	Quảng Nam	Nam	Kinh	10C10	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
116	BC0117	Võ Thành	Tài	4	11	2001	Tp. HCM	Nam	Kinh	10C10	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
117	BC0118	Bùi Hoàng	Tài	11	8	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
118	BC0119	Nguyễn Ngọc	Tài	24	4	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A11	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
119	BC0120	Hàng Quốc	Thắng	8	10	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	10D07	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
120	BC0121	Nguyễn Phạm Quốc	Thắng	29	12	2001	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A7	THPT Võ Thị Sáu	Cụm 6	Giỏi
121	BC0122	Hồ Nguyễn Thiên	Thanh	21	1	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A10	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
122	BC0123	Lê Huỳnh Long	Thành	25	2	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10B	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
123	BC0124	Võ Quốc	Thành	15	12	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A08	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
124	BC0125	Vũ Minh	Thành	25	3	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10C1	THPT Lê Minh Xuân	Cụm 4	Giỏi
125	BC0126	Nguyễn Phương	Thảo	15	1	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	Giỏi
126	BC0127	Trương Như Anh	Thị	27	8	2001	TP.HCM	Nữ	Kinh	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
127	BC0128	Lê Nguyễn Diễm	Thị	3	6	2001	Tiền Giang	Nữ	Kinh	10A2	THPT Long Trường	Cụm 8	Giỏi
128	BC0129	Huỳnh Phan	Thị	28	9	2001	Đồng Nai	Nữ	Kinh	10A09	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
129	BC0130	Vy Ngọc	Thiện	22	7	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10D07	THPT Marie Curie	Cụm 1	Giỏi
130	BC0131	Mai Sỹ Minh	Thịnh	30	5	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A10	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
131	BC0132	Châu Bá	Thông	16	7	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	10A09	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
132	BC0133	Trịnh Quốc	Thống	5	12	2001	Tp HCM	Nam	Kinh	10C12	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
133	BC0134	Nguyễn Thanh	Thư	24	6	2001	TP.HCM	Nữ	Kinh	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
134	BC0135	Lê Trần Minh	Thư	12	12	2001	Tp.Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C07	THPT Phan Đăng Lưu	Cụm 6	Giỏi
135	BC0136	Nguyễn Trần Anh	Thư	27	11	2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	10C13	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
136	BC0137	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	10	10	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
137	BC0138	Nguyễn Minh	Thuận	24	10	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A08	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
138	BC0139	Nguyễn Hoàng Hoài	Thương	27	1	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
139	BC0140	Hồ Thị Thanh	Thúy	6	10	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
140	BC0142	Phạm Nguyễn	Tín	28	3	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	Giỏi
141	BC0143	Nguyễn Trung	Tín	25	10	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
142	BC0144	Nguyễn Hoàng Anh	Tính	23	5	2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	Kinh	10A07	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
143	BC0145	Trần Quyên Ý Chí	Toàn	19	1	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A09	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
144	BC0146	Trần Văn	Toàn	3	10	2001	Đắc Lắc	Nam	Kinh	10C 1	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
145	BC0147	Phan Quốc	Toàn	11	2	2001		Nam	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
146	BC0148	Bùi Phương	Trà	5	5	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	Giỏi
147	BC0149	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	16	9	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	Giỏi
148	BC0150	Nguyễn Phạm Thùy	Trang	8	3	2001	Tp.Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C06	THPT Phan Đăng Lưu	Cụm 6	Giỏi
149	BC0151	Trần Lê Thanh	Trang	18	9	2001	Tp.hcm	Nữ	Kinh	10C 2	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
150	BC0152	Bùi Thị	Trang	28	10	2001	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	10D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	Giỏi
151	BC0153	Đỗ Hoài	Trinh	1	1	2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	10D5	THPT Trần Văn Giàu	Cụm 6	Giỏi
152	BC0154	Trần Phạm Ngọc	Trinh	12	9	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A12	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
153	BC0155	Lê Trần Thanh	Trúc	24	5	2001	TP.HCM	Nữ	Kinh	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
154	BC0156	Phùng Thanh	Trúc	7	10	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
155	BC0157	Lê Minh	Trung	29	4	2000	HCM	Nam	Kinh	10A3	THPT Phú Lâm	Cụm 4	Giỏi
156	BC0158	Trần Nhựt	Trường	17	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
157	BC0159	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	3	4	2001	Cần Thơ	Nữ	Kinh	10A2	THPT Long Trường	Cụm 8	Giỏi
158	BC0160	Thới Anh	Tuấn	26	8	2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	10C3	THPT Lê Minh Xuân	Cụm 4	Giỏi
159	BC0161	Tô Văn Minh	Tuấn	12	11	2001	Vĩnh Long	Nam	Kinh	10A2	THPT Long Trường	Cụm 8	Giỏi
160	BC0162	Nguyễn Thanh Thanh	Tùng	31	7	2001	Hà Tây	Nam	Kinh	10A01	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
161	BC0163	Nguyễn Đỗ Cát	Tường	16	6	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10D5	THPT Trần Văn Giàu	Cụm 6	Giỏi
162	BC0164	Nguyễn Đăng Thanh	Tuyền	13	12	2001	HCM	Nữ	Kinh	10A1	THPT Phú Lâm	Cụm 4	Giỏi
163	BC0165	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	21	6	2001	Tp.hcm	Nữ	Kinh	10C14	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
164	BC0166	Phạm Thanh	Tuyền	22	2	2001	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A7	THPT Võ Thị Sáu	Cụm 6	Giỏi
165	BC0167	Hồ Minh	Tuyền	27	10	2001		Nữ	Kinh	10C06	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Cụm 7	Giỏi
166	BC0168	Thái Ngọc Phương	Uyên	19	2	2001	TP.HCM	Nữ	Kinh	10L4	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
167	BC0169	Đặng Trúc	Vi	12	12	2001	TP.HCM	Nữ	Kinh	10L3	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
168	BC0170	Huỳnh Võ Trường	Vi	15	7	2001	Bến Tre	Nữ	Kinh	10C 8	THPT Tân Bình	Cụm 5	Giỏi
169	BC0171	Đỗ Quang	Vương	14	6	2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	10A03	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
170	BC0172	Nguyễn Văn Minh	Vương	29	3	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A01	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Giỏi
171	BC0173	Nguyễn Ngọc Yển	Vy				TP.HCM	Nữ	Kinh	10L4	THPT Nguyễn Khuyến	Cụm 3	Giỏi
172	BC0174	Huỳnh Ngọc Phương	Vy	10	4	2001	Tp.Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10C07	THPT Phan Đăng Lưu	Cụm 6	Giỏi
173	BC0175	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	16	11	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
174	BC0176	Trần Minh	Hiệp	18	4	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A2	THPT Phú Lâm	Cụm 4	Giỏi
175	BC0177	Lê Trung	Hiếu	13	6	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A2	THPT Phú Lâm	Cụm 4	Giỏi
176	BC0178	Lưu Nguyễn Phương	Khanh	6	9	2001	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10A1	THPT Phú Lâm	Cụm 4	Giỏi
177	BC0179	Nguyễn Hoàng	Phương	22	9	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A1	THPT Phú Lâm	Cụm 4	Giỏi
178	BC0082	Hồ Thị Kim	Ngân	7	10	2001	Long An	Nữ	Kinh	10C2	THPT Lê Minh Xuân	Cụm 4	Trung bình
179	BC0141	Nguyễn Thành	Tín	2	5	2001	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	10A07	THPT Tạ Quang Bửu	Cụm 2	Trung bình

Người lập bảng

Trong danh sách:

SL dự thi: 179

SL Giỏi: 177

SL Khá: 0

SL T.Bình: 2

Lê Xuân Mẫn

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Hiếu

BẢNG TỔNG HỢP XẾP LOẠI HỘI THI HSG MÔN GDQP&AN CẤP THÀNH PHỐ
Môn thi: Tư thế, động tác vận động trên chiến trường

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
1	TDV124	Trần Tấn	Sang	20	10	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A10	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cụm 4	Giỏi
2	TDV113	Nguyễn Công	Phương	11	10	1999	Bình Định	Nam	Kinh	12A9	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Giỏi
3	TDV167	La Nhật	Trường	3	4	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A1	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi
4	TDV174	Bùi Anh	Tuấn	15	1	1999	Thái Bình	Nam	Kinh	12C11	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Giỏi
5	TDV133	Trần Cơ	Tâm	7	1	1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	12A01	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Giỏi
6	TDV105	Nguyễn Hoàng Thiên	Phú	23	2	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A5	THPT Tam Phú	Cụm 8	Giỏi
7	TDV135	Nguyễn Lê Nhật	Tân	24	4	1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	12A1	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi
8	TDV048	Trần Tiến	Hùng	27	12	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C06	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Giỏi
9	TDV151	Nguyễn Văn	Thọ	14	10	1999	Nghệ An	Nam	Kinh	12A9	THPT Tam Phú	Cụm 8	Giỏi
10	TDV016	Bùi Đình	Cường	19	7	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Đông Đô	Cụm 6	Giỏi
11	TDV108	Nguyễn Trương Duy	Phúc	5	4	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Đông Đô	Cụm 6	Giỏi
12	TDV163	Nguyễn Đức	Trọng	20	12	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A4	THPT Trung Vương	Cụm 1	Giỏi
13	TDV084	Thạch Hồng	Nam	8	9	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Đông Đô	Cụm 6	Giỏi
14	TDV138	Trần Thanh	Tân	13	5	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Đông Đô	Cụm 6	Giỏi
15	TDV063	Đỗ Minh	Khoa	7	10	1999	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A7	THPT Tân Phong	Cụm 2	Giỏi
16	TDV022	Nguyễn Lý	Đức	10	11	1999	An Giang	Nam	Kinh	12A2	THPT Lam Sơn	Cụm 6	Giỏi
17	TDV082	Nguyễn Dương Nhật	Minh	12	7	1999	Thanh Hoá	Nam	Kinh	12A2	THPT Lam Sơn	Cụm 6	Giỏi
18	TDV087	Nguyễn Trung	Nghĩa	11	6	1999	Lâm Đồng	Nam	Kinh	12A2	THPT Lam Sơn	Cụm 6	Giỏi
19	TDV175	Phạm Văn	Vĩ	4	5	1999	An Giang	Nam	Kinh	12A1	THPT Lam Sơn	Cụm 6	Giỏi
20	TDV128	Nguyễn Văn	Sỹ	3	7	1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	12A8	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá
21	TDV140	Nguyễn Toàn	Thắng	30	4	1999	Bình Định	Nam	Kinh	12C06	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
22	TDV058	Mạch Tấn	Huy	27	11	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C11	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
23	TDV066	Nguyễn Hữu	Kiên	1	1	1999	KomTun	Nam	Kinh	12A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá
24	TDV153	Trương Minh	Thông	17	6	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A05	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cụm 4	Khá
25	TDV131	Phạm Ngô Tấn	Tài	9	3	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá
26	TDV075	Ngô Hoàng	Long	29	11	1999	Hà Nội	Nam	Kinh	12A01	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Khá
27	TDV103	Lý Quốc	Phong	5	10	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A16	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cụm 4	Khá
28	TDV020	Đình Thành	Đạt	3	2	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A4	THPT Tân Phong	Cụm 2	Khá
29	TDV055	Lý Chí	Huy	8	12	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A5	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá
30	TDV069	Nguyễn Minh	Lập	13	9	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A2	THPT Ngô Gia Tự	Cụm 2	Khá
31	TDV088	Nguyễn Tuấn	Ngọc	11	10	1998	Tây Ninh	Nam	Kinh	12A10	THPT Tam Phú	Cụm 8	Khá
32	TDV102	Lê Vũ Hoài	Phong	3	12	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A9	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Khá

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
33	TDV154	Vũ Đình	Thuận	31	5	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A7	THPT Tam Phú	Cụm 8	Khá
34	TDV001	Phương Minh	An	19	8	1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	12A9	THPT Tân Phong	Cụm 2	Khá
35	TDV026	Lê Vũ	Duy	18	8	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A10	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá
36	TDV071	Nguyễn An	Lộc	5	2	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Khá
37	TDV093	Phan	Nhân	13	9	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A03	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Khá
38	TDV027	Nguyễn	Duy	26	11	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá
39	TDV049	Châu Dịch	Hung	6	12	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A06	THPT Ten Lơ Man	Cụm 1	Khá
40	TDV101	Đặng Đình	Phong	22	6	1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	12A3	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá
41	TDV119	Nguyễn Đăng	Quang	21	11	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A20	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Khá
42	TDV060	Giang Thuận	Hỷ	6	8	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A10	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá
43	TDV137	Nguyễn Thiên	Tân	10	10	1997	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A3	THPT Tân Phong	Cụm 2	Khá
44	TDV078	Nguyễn Ngọc	Minh	12	12	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A4	THPT Ngô Gia Tự	Cụm 2	Khá
45	TDV099	Nguyễn Tấn	Phát	1	5	1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	12A02	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Khá
46	TDV171	Dương Minh	Tuấn	25	8	1998	Thái Nguyên	Nam	Kinh	12A5	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Khá
47	TDV179	Hồ Phong	Vũ	15	10	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Ngô Gia Tự	Cụm 2	Khá
48	TDV010	Đỗ Quốc	Bảo	21	11	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C11	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
49	TDV062	Lê Đăng	Khoa	11	4	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá
50	TDV156	Trần Minh	Tiến	24	6	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A10	THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Cụm 8	Khá
51	TDV007	Nguyễn Quốc	Bảo	14	1	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A5	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá
52	TDV176	Nguyễn Hoàng	Việt	30	4	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A9	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Khá
53	TDV056	Lâm Trường	Huy	30	8	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A01	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Khá
54	TDV155	Võ Minh	Tiến	3	4	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A08	THPT Ten Lơ Man	Cụm 1	Khá
55	TDV032	Dương Vĩ	Hào	28	8	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A03	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cụm 4	Khá
56	TDV147	Trần Quốc	Thiện	5	11	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Lam Sơn	Cụm 6	Khá
57	TDV114	Vũ Hải	Quan	12	11	1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	12C06	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
58	TDV130	Trần Tấn	Tài	1	8	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C11	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
59	TDV002	Đặng Thiên	Ân	10	8	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A5	THPT Tam Phú	Cụm 8	Khá
60	TDV122	Lê	Sang	13	9	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A4	THPT Trung Vương	Cụm 1	Khá
61	TDV057	Trần Đức	Huy	14	4	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Đông Đô	Cụm 6	Khá
62	TDV085	Hà Phương	Nam	28	10	1999	Bình Phước	Nam	Kinh	12C06	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
63	TDV079	Nguyễn Quang	Minh	3	5	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Đông Đô	Cụm 6	Khá
64	TDV086	Vũ Trọng	Nghĩa	19	9	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Đông Đô	Cụm 6	Khá
65	TDV142	Nguyễn Đức	Thanh	31	3	1999	BR-Vũng Tàu	Nam	Kinh	12A3	THPT Tân Phong	Cụm 2	Khá
66	TDV111	Đào Hồng	Phúc	14	2	1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	12A2	THPT Lam Sơn	Cụm 6	Khá
67	TDV018	Hồ Nhật	Cường	4	11	1999	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	12A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
68	TDV115	Hà Công	Quan	21	6	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A07	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
69	TDV047	Phan Bá	Hoàng	20	1	1999	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	12A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
70	TDV035	Võ Thanh	Hậu	28	5	1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	12A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
71	TDV097	Diệp Viễn	Phát	11	3	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A4	THPT Tân Phong	Cụm 2	Trung bình

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
72	TDV172	Huỳnh Anh	Tuấn	22	8	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A03	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cụm 4	Trung bình
73	TDV017	Hà Xuân	Cường	20	10	1999	Thái Bình	Nam	Kinh	12C06	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình
74	TDV125	Trịnh Quốc	Son	30	9	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A13	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cụm 4	Trung bình
75	TDV170	Lê Xuân	Tú	6	9	1999	Thanh Hóa	Nam	Kinh	12A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
76	TDV072	Nguyễn Đức	Lợi	10	2	1999	Quảng Trị	Nam	Kinh	12A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
77	TDV095	Ngô Huỳnh Trí	Nhân	1	1	1999	Đà Nẵng	Nam	Kinh	12A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
78	TDV081	Lê Đình	Minh	15	10	1999	Thanh Hóa	Nam	Kinh	12A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
79	TDV157	Huỳnh Anh	Tiến	23	11	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A07	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
80	TDV180	Lê Văn	Xuân	27	2	1999	Thanh Hóa	Nam	Kinh	12A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
81	TDV076	Nguyễn Hữu	Lực	18	5	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
82	TDV160	Trần Bảo	Trân	7	1	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
83	TDV136	Nguyễn Nhật	Tân	18	5	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A9	THPT Tân Phong	Cụm 2	Trung bình
84	TDV104	Trần Minh	Phú	21	11	1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	12A11	THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Cụm 8	Trung bình
85	TDV043	Bùi Trung	Hiệu	7	8	1999	Thái Bình	Nam	Kinh	12A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
86	TDV073	Nguyễn Thanh	Lợi	12	8	1999	Long An	Nam	Kinh	12A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
87	TDV067	Trần Đình	Kiệt	4	4	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C11	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình
88	TDV080	Hoàng Văn	Minh	15	1	1999	Thanh Hóa	Nam	Kinh	12C11	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình
89	TDV008	Hồ Gia	Bảo	23	9	1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	12A4	THPT Tân Phong	Cụm 2	Trung bình
90	TDV106	Nguyễn Trọng	Phú	30	6	1999	Thanh Hóa	Nam	Kinh	12A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
91	TDV107	Nguyễn Gia	Phúc	1	6	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A09	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cụm 4	Trung bình
92	TDV144	Trần Chí	Thành	8	11	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A04	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cụm 4	Trung bình
93	TDV012	Đỗ Văn	Bìn	4	12	1999	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	12C06	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình
94	TDV014	Nguyễn Duy	Cương	5	3	1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	12A02	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Trung bình
95	TDV044	Hồ Lê	Hoàng	1	5	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A12	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Trung bình
96	TDV109	Lương Khắc	Phúc	14	11	1999	Quảng Bình	Nam	Kinh	12A9	THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Cụm 8	Trung bình
97	TDV083	Nguyễn Hoài	Nam	2	11	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A06	THPT Ten Lơ Man	Cụm 1	Trung bình
98	TDV134	Nguyễn Hoàng Thiên	Tân	16	11	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A09	THPT Ten Lơ Man	Cụm 1	Trung bình
99	TDV046	Nguyễn Văn Huy	Hoàng	15	8	1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	12A01	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình
100	TDV164	Phạm Quốc	Trung	29	5	1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	12A8	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Trung bình
101	TDV092	Nguyễn Minh	Nhân	27	8	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A10	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Trung bình
102	TDV152	Huỳnh Hiếu	Thông	19	2	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A13	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Trung bình
103	TDV040	Vũ Đức	Hiếu	27	12	1998	Hải Dương	Nam	Kinh	12A11	THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Cụm 8	Trung bình
104	TDV038	Lê Minh	Hiếu	14	3	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A03	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cụm 4	Trung bình
105	TDV121	Đinh Hữu	Quốc	30	1	1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	12A14	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Trung bình
106	TDV091	Nguyễn Kỳ	Nguyên	11	9	1999	Đắk Lắk	Nam	Kinh	12A9	THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Cụm 8	Trung bình
107	TDV127	Bùi Bảo	Son	18	1	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A6	THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Cụm 8	Trung bình
108	TDV015	Nguyễn Lê Chí	Cường	5	8	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A09	THPT Ten Lơ Man	Cụm 1	Trung bình
109	TDV034	Trần Phước	Hậu	16	10	1998	Quảng Nam	Nam	Kinh	12A13	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Trung bình
110	TDV162	Đặng Minh	Trí	11	11	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A01	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
111	TDV011	Nguyễn Chí	Bảo	23	10	1999	Quảng Trị	Nam	Kinh	12C11	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình
112	TDV059	Ung Triệu Quốc	Huy	31	5	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A5	THPT Tam Phú	Cụm 8	Trung bình
113	TDV039	Nguyễn Minh	Hiếu	4	6	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A01	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình
114	TDV159	Vũ Quốc	Toản	6	10	1998	Hà Nam	Nam	Kinh	12A14	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Trung bình
115	TDV031	Văn Bá	Hải	26	5	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A14	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Trung bình
116	TDV065	Ngũ Hoàng	Kiên	24	11	1999	Nghệ An	Nam	Kinh	12C06	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình
117	TDV090	Nguyễn Cát Khôi	Nguyên	17	12	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C11	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình
118	TDV116	Lê Minh	Quân	14	6	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A11	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Trung bình
119	TDV054	Trần Nguyễn Duy	Huy	24	11	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A07	THPT Ten Lơ Man	Cụm 1	Trung bình
120	TDV068	Ngô Tấn	Kiệt	7	1	1999	Bình Dương	Nam	Kinh	12A11	THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Cụm 8	Trung bình
121	TDV112	Nguyễn Trương Ngọc	Phước	9	7	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A2	THPT Ngô Gia Tự	Cụm 2	Trung bình
122	TDV132	Nguyễn Khắc	Tâm	20	1	1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	12A20	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình
123	TDV021	Lê Văn	Đình	15	8	1998	Thanh Hóa	Nam	Kinh	12A14	THPT Bình Hưng Hòa	Cụm 4	Trung bình
124	TDV041	Nguyễn Chí	Hiếu	12	1	1999	Hà Nội	Nam	Kinh	12A5	THPT Tam Phú	Cụm 8	Trung bình
125	TDV123	Trần Văn	Sang	3	1	1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	12A8	THPT Trung Vương	Cụm 1	Trung bình
126	TDV129	Lâm Tiến	Tài	4	10	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A8	THPT Ngô Gia Tự	Cụm 2	Trung bình
127	TDV013	Ngô Ngọc	Chung	14	9	1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	12A01	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình
128	TDV165	Trần Quốc	Trung	16	3	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A10	THPT Tam Phú	Cụm 8	Trung bình
129	TDV061	Nguyễn Võ Duy	Khang	9	7	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A8	THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Cụm 8	Trung bình
130	TDV023	Lâm Hải	Dương	25	4	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A9	THPT Tân Phong	Cụm 2	Trung bình
131	TDV148	Nguyễn Hữu	Thịnh	18	2	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A5	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Trung bình
132	TDV037	Nguyễn Minh	Hiếu	1	9	1999	Bến Tre	Nam	Kinh	12A8	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Trung bình
133	TDV139	Trương Phạm Quốc	Thắng	2	5	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A04	THPT Ten Lơ Man	Cụm 1	Trung bình
134	TDV126	Nguyễn Đỗ Hoàng	Son	8	10	1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	12A01	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình
135	TDV064	Trần Đăng	Khoa	21	2	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A02	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình
136	TDV120	Phạm Huỳnh Công	Quang	11	9	1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	12A01	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình
137	TDV096	Văn Công	Phát	25	1	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Ngô Gia Tự	Cụm 2	Trung bình
138	TDV117	Lý Hoàng Duy	Quân	7	9	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A20	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình
139	TDV050	Di Thanh	Hưng	1	11	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A07	THPT Ten Lơ Man	Cụm 1	Trung bình
140	TDV053	Phan Gia	Huy	1	8	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A03	THPT Ten Lơ Man	Cụm 1	Trung bình
141	TDV019	Nguyễn Cảnh Duy	Cường	14	1	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Lam Sơn	Cụm 6	Trung bình
142	TDV029	Nguyễn Cảnh Nhất	Duy	14	1	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A2	THPT Lam Sơn	Cụm 6	Trung bình
143	TDV028	Hoàng Khương	Duy	3	1	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C11	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình
144	TDV100	Nguyễn Văn Thanh	Phong	11	1	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A3	THPT Ngô Gia Tự	Cụm 2	Trung bình
145	TDV169	Huỳnh Minh	Tú	23	12	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C06	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình
146	TDV003	Ngô Diệp	Anh	9	6	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A02	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình
147	TDV168	Phan Minh	Trương	15	7	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A9	THPT Tam Phú	Cụm 8	Trung bình
148	TDV150	Trần Phát	Thịnh	18	2	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A02	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình
149	TDV161	Nguyễn Hữu	Trí	2	6	1999	Nghệ An	Nam	Kinh	12A09	THPT Ten Lơ Man	Cụm 1	Trung bình

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
150	TDV143	Mai Nam	Thanh	12	5	1998	Liên Bang Nga	Nam	Kinh	12A10	THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Cụm 8	Trung bình
151	TDV110	Nguyễn Chí	Phúc	23	3	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A7	THPT Tam Phú	Cụm 8	Trung bình
152	TDV149	Nguyễn Phúc	Thịnh	17	6	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A01	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình
153	TDV033	Nguyễn Hữu	Hậu	28	10	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A10	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Trung bình
154	TDV051	Trần Thái	Hung	8	3	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A9	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Trung bình
155	TDV146	Nguyễn Hữu	Thiện	9	9	1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	12A9	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Trung bình
156	TDV030	Nguyễn Phú	Hải	24	3	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A2	THPT Ngô Gia Tự	Cụm 2	Trung bình
157	TDV042	Đoàn Hùng	Hiếu	23	10	1998	Bình Thuận	Nam	Kinh	12A2	THPT Lam Sơn	Cụm 6	Trung bình
158	TDV118	Tô Vỹ	Quang	5	12	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	12A07	THPT Ten Lơ Man	Cụm 1	Trung bình
159	TDV052	Lương Hoàng	Huy	20	3	1998	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A06	THPT Ten Lơ Man	Cụm 1	Trung bình
160	TDV158	Nguyễn Thành	Tín	31	10	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Đông Đô	Cụm 6	Trung bình
161	TDV074	Trần Nguyễn Phi	Long	9	2	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A8	THPT Ngô Gia Tự	Cụm 2	Trung bình
162	TDV045	Lê Công	Hoàng	29	8	1999	Khánh Hòa	Nam	Kinh	12A20	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình
163	TDV006	Nguyễn Hoàng Thanh	Bạch	4	3	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A9	THPT Trưng Vương	Cụm 1	Trung bình
164	TDV173	Lê	Tuấn	10	10	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Đông Đô	Cụm 6	Trung bình
165	TDV141	Phạm Doãn	Thanh	9	3	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A4	THPT Trưng Vương	Cụm 1	Trung bình
166	TDV070	Nguyễn Tấn	Lộc	8	12	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A3	THPT Ngô Gia Tự	Cụm 2	Trung bình
167	TDV077	Lê Tấn Quang	Minh	28	5	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A13	THPT Ten Lơ Man	Cụm 1	Trung bình
168	TDV025	Lê Hoàng Vũ	Duy	16	8	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A5	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Trung bình
169	TDV009	Nguyễn Lâm Hoàng	Bảo	8	7	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A1	THPT Đông Đô	Cụm 6	Trung bình
170	TDV089	Nguyễn Trường Khoa	Nguyên	20	10	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A20	TRƯỜNG THPT Trần Phú	Cụm 5	Trung bình
171	TDV004	Phạm Trần Tiến	Anh	21	3	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C11	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Trung bình
172	TDV024	Phạm Quang	Dương	7	2	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A2	THPT Tân Phong	Cụm 2	Trung bình

Người lập bảng

Trong danh sách:

SL dự thi: 172

SL Giới: 19

SL Khá: 47

SL T.Bình: 106

SL K.đạt: 0

Lê Xuân Mẫn

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Hiếu

BẢNG TỔNG HỢP XẾP LOẠI HỘI THI HSG MÔN GDQP&AN CẤP THÀNH PHỐ
Môn thi: Tháo lắp súng tiểu liên AK ban ngày

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
1	TLS003	Nguyễn Nhật	Anh	19	4	2000	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A4	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi
2	TLS022	Nguyễn Hoàng Phong	Điền	18	11	1999	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11D5	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi
3	TLS053	Vũ Quốc	Huy	23	8	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A1	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi
4	TLS087	Nguyễn Ngọc Thảo	Minh	28	5	2000	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11D1	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi
5	TLS098	Phan Đỗ Trọng	Nghĩa	31	10	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A9	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi
6	TLS100	Phạm Khánh	Nguyên	22	7	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A9	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi
7	TLS116	Nguyễn Minh	Quân	30	10	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A9	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi
8	TLS119	Hồ Ngọc	Quang	7	8	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A1	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi
9	TLS133	Trần Thiện	Thái	13	11	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A8	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Giỏi
10	TLS073	Đặng Quý	Long	14	12	2000	TP. HCM	Nam	Kinh	11A06	THPT Nguyễn Thị Diệu	Cụm 1	Giỏi
11	TLS135	Nguyễn Sỹ Hoàng	Thành	20	9	2000	TP. HCM	Nam	Kinh	11T02	THPT Nguyễn Thị Diệu	Cụm 1	Giỏi
12	TLS147	Nguyễn	Tiến	9	1	2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	11A08	THPT Nguyễn Thị Diệu	Cụm 1	Giỏi
13	TLS160	Phạm Minh	Triết	4	11	2000	TP. HCM	Nam	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Thị Diệu	Cụm 1	Giỏi
14	TLS013	Phạm Trung	Cang	11	2	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A1	THPT Trưng Vương	Cụm 1	Giỏi
15	TLS144	Phan Việt	Thụ	9	9	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A7	THPT Trưng Vương	Cụm 1	Giỏi
16	TLS163	Nguyễn Huy	Trọng	26	2	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A4	THPT Trưng Vương	Cụm 1	Giỏi
17	TLS001	LÊ ĐỨC	AN	15	5	2000		Nam	Kinh	11A8	THPT Lê Thánh Tôn	Cụm 2	Giỏi
18	TLS017	NGUYỄN XUÂN	CƯỜNG	17	11	2000		Nam	Kinh	11A11	THPT Lê Thánh Tôn	Cụm 2	Giỏi
19	TLS051	LÝ MẠNH	HÙNG	4	9	1999		Nam	Kinh	11A9	THPT Lê Thánh Tôn	Cụm 2	Giỏi
20	TLS096	VÕ HOÀNG	NAM	16	12	1999		Nam	Kinh	11A8	THPT Lê Thánh Tôn	Cụm 2	Giỏi
21	TLS108	TRẦN QUANG	NHỰT	1	1	2000		Nam	Kinh	11A10	THPT Lê Thánh Tôn	Cụm 2	Giỏi
22	TLS122	PHAN VĂN	QUANG	5	3	2000		Nam	Kinh	11A9	THPT Lê Thánh Tôn	Cụm 2	Giỏi
23	TLS153	NGUYỄN CHÁNH	TÍN	20	11	2000		Nam	Kinh	11A11	THPT Lê Thánh Tôn	Cụm 2	Giỏi
24	TLS054	Huỳnh Long	Huy	21	9	2000	Tp.HCM	Nam	Kinh	11B	THPT Nam Sài Gòn	Cụm 2	Giỏi
25	TLS117	Trần Anh	Quân	15	6	2000	Tp.HCM	Nam	Kinh	11A	THPT Nam Sài Gòn	Cụm 2	Giỏi
26	TLS004	Lê Tuấn	Anh	6	11	2000	Tp HCM	Nam	Kinh	11Q	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	Giỏi
27	TLS008	Nguyễn Trương Thiên	Bảo	15	5	2000		Nam	Kinh	11K	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	Giỏi
28	TLS106	Nguyễn Tâm	Như	9	10	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	Giỏi
29	TLS148	Nguyễn Phạm Hữu	Tiến	24	2	2000	tp HCM	Nam	Kinh	11Q	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	Giỏi
30	TLS155	Lê Quế	Trần	2	3	2000	TP HCM	Nữ	Kinh	11P	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	Giỏi
31	TLS164	Võ Ngọc	Trọng	9	9	2000	tp HCM	Nam	Kinh	11Q	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	Giỏi
32	TLS166	Lương Việt	Trường	26	2	2000	TPHCM	Nam	Kinh	11E	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	Giỏi

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
33	TLS024	Phạm Việt	Dũng	18	3	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CL2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
34	TLS025	Hoàng Trọng Đại	Dương	7	9	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CL1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
35	TLS060	Hoàng Ngọc Gia	Khánh	5	2	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
36	TLS075	Nguyễn Hữu Hoàng	Long	15	8	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CTIN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
37	TLS077	Trần Nguyễn Bá	Long	7	7	2000	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	11CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
38	TLS088	Mã Khải	Minh	28	4	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
39	TLS090	Nguyễn Xuân Nhật	Minh	6	12	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CA2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
40	TLS102	Hồ Võ Hữu	Nhân	5	5	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CL1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
41	TLS112	Hoàng Minh	Phong	11	3	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
42	TLS115	Đỗ Minh	Phương	21	8	2000	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11D1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
43	TLS126	Trần Đình	Sang	2	1	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
44	TLS130	Lã Tiến	Tài	10	1	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
45	TLS132	Huỳnh Lê	Tân	13	2	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
46	TLS139	Bùi Duy	Thiện	20	4	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11D1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Giỏi
47	TLS047	TRẦN THỊ CẨM	HỒNG	24	9	2000		Nam		11A4	THPT An Lạc	Cụm 4	Giỏi
48	TLS068	BÙI THANH CẨM	LINH	28	5	2000		Nam		11A12	THPT An Lạc	Cụm 4	Giỏi
49	TLS157	LÊ THỊ THUY	TRANG	20	1	2000		Nam		11A4	THPT An Lạc	Cụm 4	Giỏi
50	TLS158	NGUYỄN THUY	TRANG	22	12	2000		Nam		11A8	THPT An Lạc	Cụm 4	Giỏi
51	TLS006	Huỳnh Hải	Bằng	20	11	2000	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A02	THPT Nguyễn Hiền	Cụm 4	Giỏi
52	TLS066	Vũ Đình Tuấn	Kiệt	11	5	2000	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Hiền	Cụm 4	Giỏi
53	TLS169	Phạm Văn	Tuấn	12	7	2000	Hải Dương	Nam	Kinh	11A08	THPT Vĩnh Lộc	Cụm 4	Giỏi
54	TLS005	Mai Duy	Anh	23	8	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B11	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
55	TLS009	Võ Hoài	Bảo	13	11	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B15	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
56	TLS012	Trịnh Xuân An	Bình	26	1	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B04	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
57	TLS020	Phạm Tuấn	Đạt	29	6	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B10	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
58	TLS029	Phạm Khương	Duy	26	2	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B04	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
59	TLS042	Lê Minh	Hiếu	21	12	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B04	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
60	TLS046	Bùi Đặng Khánh	Hoàng	4	6	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B15	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
61	TLS055	Phan Gia	Huy	1	10	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B12	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
62	TLS067	Vũ Gia	Lâm	2	6	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B12	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
63	TLS069	Vũ Khánh	Linh	23	10	2000	Bạc Liêu	Nữ	Kinh	11B09	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
64	TLS078	Trần Hoàng	Long	1	12	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B01	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
65	TLS079	Trần Phước	Long	18	6	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B05	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
66	TLS097	Nguyễn Nguyễn Đông	Nghi	26	11	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11B16	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
67	TLS118	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	1	5	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B16	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
68	TLS129	Nguyễn Tiến	Sỹ	16	6	2000	Hà Nam	Nam	Kinh	11B12	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
69	TLS152	Phan Trung	Tín	24	10	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B02	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
70	TLS156	Phạm Hồng	Trân	16	3	2000	Trà Vinh	Nam	Kinh	11B05	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
71	TLS167	Nguyễn Minh	Tú	14	1	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B14	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
72	TLS175	Trần Việt Cuongovna	Valeria	25	7	1997	Ukraine	Nữ	Kinh	11B12	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
73	TLS178	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	28	5	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11B10	THPT Hàn Thuyên	Cụm 5	Giỏi
74	TLS049	Hoàng Ngọc	Huân	16	7	2000	Đồng Nai	Nam	Kinh	11B1	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
75	TLS092	Hồ Quang	Minh	18	3	2000	Khánh Hòa	Nam	Kinh	11B1	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
76	TLS101	Ngô Thanh	Nguyễn	12	5	2000	Tp.HCM	Nam	Kinh	11D1	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
77	TLS174	Lê Nguyễn Phương	Uyên	6	11	2000	Tp.HCM	Nữ	Kinh	11D1	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
78	TLS179	Lê Hoàng	Yến	20	4	2000	Tp.HCM	Nữ	Kinh	11D1	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
79	TLS031	Đoàn Đại	Gia	20	10	2000	Tp.HCM	Nam	Kinh	11A1	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
80	TLS037	Lê Minh	Tâm	16	11	2000	Tp.HCM	Nam	Kinh	11A3	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
81	TLS032	Trương Thúy	Hà	9	6	2000	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	Giỏi
82	TLS099	Đỗ Thị Bảo	Ngọc	21	4	2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	Giỏi
83	TLS104	Lê Minh	Nhật	4	5	2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A1	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	Giỏi
84	TLS059	Trần Nguyễn Tuấn	Khang	22	10	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B06	THPT Thanh Đa	Cụm 6	Giỏi
85	TLS120	Nguyễn Minh	Quang	30	4	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B06	THPT Thanh Đa	Cụm 6	Giỏi
86	TLS131	Nguyễn Tấn	Tài	22	6	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B06	THPT Thanh Đa	Cụm 6	Giỏi
87	TLS033	Phạm Thị Khánh	Hà	12	2	2000	Long An	Nữ	Kinh	11A2	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi
88	TLS040	Trương Kim	Hiền	8	2	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A1	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi
89	TLS071	Nguyễn Xuân	Lộc	1	11	2000	Nghệ An	Nam	Kinh	11A2	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi
90	TLS093	Võ Nhật	Minh	19	5	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A2	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi
91	TLS123	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	18	2	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A1	THPT Quang Trung	Cụm 7	Giỏi
92	TLS015	Đặng Nguyễn Đình	Chương	28	6	2000	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A15	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Giỏi
93	TLS041	Nguyễn Xinh	Hiền	12	5	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A6	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Giỏi
94	TLS043	Đỗ Đình	Hiếu	25	7	1999	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A10	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Giỏi
95	TLS085	Nguyễn Hoàng Gia	Luân	30	3	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A15	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Giỏi
96	TLS103	Đặng Hoàng Thiện	Nhân	16	4	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A6	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Giỏi
97	TLS113	Nguyễn Nhựt	Phong	8	8	2000	Tiền Giang	Nam	Kinh	11A2	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Giỏi
98	TLS124	Trần Thị Vạn	Quỳnh	21	2	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A15	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Giỏi
99	TLS171	Tạ Văn	Tuấn	29	10	2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	11A10	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Giỏi
100	TLS172	Nguyễn Hữu Thanh	Tùng	13	3	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A13	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Giỏi
101	TLS177	Nguyễn Quang	Vinh	25	5	2000	Bình Phước	Nam	Kinh	11A13	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	Giỏi
102	TLS021	Chế Toàn	Đạt	18	11	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A5	THPT Phước Long	Cụm 8	Giỏi
103	TLS030	Nguyễn Khắc	Duy	6	4	2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	11A4	THPT Phước Long	Cụm 8	Giỏi
104	TLS056	Trần Thanh	Huy	3	3	2000	Ninh Bình	Nam	Kinh	11A5	THPT Phước Long	Cụm 8	Giỏi
105	TLS105	Nguyễn Minh	Nhật	20	3	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A6	THPT Phước Long	Cụm 8	Giỏi
106	TLS114	Nguyễn Hoàng	Phú	30	4	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A5	THPT Phước Long	Cụm 8	Giỏi
107	TLS127	Nguyễn Tấn	Sang	8	4	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A5	THPT Phước Long	Cụm 8	Giỏi
108	TLS141	Nguyễn Nho Hưng	Thịnh	25	9	1999	Tp.hcm	Nam	Kinh	11A6	THPT Phước Long	Cụm 8	Giỏi
109	TLS145	Nguyễn Hưng	Thuận	19	8	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A4	THPT Phước Long	Cụm 8	Giỏi
110	TLS161	Nguyễn Hữu Hoàng	Triều	18	8	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A4	THPT Phước Long	Cụm 8	Giỏi

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
111	TLS011	Đoàn Hà Quốc	Bảo	23	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
112	TLS023	Nguyễn Hoàng Thiên	Định	9	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
113	TLS026	Cám Quyền	Đường	27	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
114	TLS038	Nguyễn Ngọc	Hào	25	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A12	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
115	TLS048	Trần Văn	Hồng	14	9	1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A11	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
116	TLS057	Trần Nhất	Huy	9	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
117	TLS063	Chiều Nguyễn Anh	Khoa	27	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A12	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
118	TLS064	Nguyễn Tuấn	Khoa	12	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
119	TLS072	Lê Quang	Lộc	25	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
120	TLS083	Lê Thành	Long	7	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
121	TLS094	Trần Nhật	Minh	11	9	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
122	TLS111	Hà Khải	Phát	9	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
123	TLS121	Hứa Minh	Quang	2	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A12	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
124	TLS136	Huỳnh Ngọc	Thành	20	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A12	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
125	TLS137	Huỳnh Văn Ngọc	Thảo	10	8	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A10	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
126	TLS142	Dương Phú	Thịnh	6	11	2000	Cà Mau	Nam	Kinh	11A10	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
127	TLS143	Nguyễn Minh	Thông	2	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
128	TLS151	Nguyễn Phạm Minh	Tiến	6	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A12	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
129	TLS128	Văn Minh	Sử	29	2	2000	TP. HCM	Nam	Kinh	11A06	THPT Nguyễn Thị Diệu	Cụm 1	Khá
130	TLS091	Trương Sơn Hải	Minh	30	7	2000	Tp.HCM	Nam	Kinh	11A	THPT Nam Sài Gòn	Cụm 2	Khá
131	TLS027	Phạm Nguyễn Đăng	Duy	15	10	2000	TP HCM	Nam	Kinh	11P	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	Khá
132	TLS028	Lê Hoàng	Duy	13	4	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CA2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Khá
133	TLS076	Nguyễn Thắng	Long	16	8	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Khá
134	TLS044	LÊ THANH	HÒA	7	2	2000		Nam		11A10	THPT An Lạc	Cụm 4	Khá
135	TLS061	Trương Thanh	Khoa	2	2	2000	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A03	THPT Nguyễn Hiền	Cụm 4	Khá
136	TLS110	Vòng Thuận	Phát	15	3	2000	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11D10	THPT Nguyễn Hiền	Cụm 4	Khá
137	TLS165	Triệu Khai	Trung	25	10	2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A06	THPT Vĩnh Lộc	Cụm 4	Khá
138	TLS058	Nguyễn Trần Duy	Khang	1	8	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B04	THPT Thanh Đa	Cụm 6	Khá
139	TLS086	Nguyễn Đức	Mạnh	5	8	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B02	THPT Thanh Đa	Cụm 6	Khá
140	TLS140	Võ Văn	Thiếu	15	8	2000	Quảng Bình	Nam	Kinh	11B06	THPT Thanh Đa	Cụm 6	Khá
141	TLS039	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	11	12	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A1	THPT Quang Trung	Cụm 7	Khá
142	TLS084	Nguyễn Thanh	Luân	15	5	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A1	THPT Quang Trung	Cụm 7	Khá
143	TLS146	Nguyễn Lê Minh	Thùy	27	4	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A1	THPT Quang Trung	Cụm 7	Khá
144	TLS154	Nguyễn Hữu	Toàn	24	9	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A2	THPT Quang Trung	Cụm 7	Khá
145	TLS162	Phan Thị Kiều	Trinh	1	8	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A7	THPT Quang Trung	Cụm 7	Khá
146	TLS018	Trần Hồng	Đăng	14	2	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A4	THPT Phước Long	Cụm 8	Khá
147	TLS002	Nguyễn Đức Bảo	Ân	4	5	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A1	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	Trung bình
148	TLS070	Nguyễn Trọng	Lĩnh	25	1	2000	TP. HCM	Nam	Kinh	11A06	THPT Nguyễn Thị Diệu	Cụm 1	Trung bình
149	TLS074	Nguyễn Hoàng	Long	11	7	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A9	THPT Trưng Vương	Cụm 1	Trung bình

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
150	TLS168	Nguyễn Đình	Tuấn	19	3	2000	Tp.HCM	Nam	Kinh	11B	THPT Nam Sài Gòn	Cụm 2	Trung bình
151	TLS019	Nguyễn Thế	Danh	29	5	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Trung bình
152	TLS089	Nguyễn Ánh	Minh	7	6	2000	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CA2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Trung bình
153	TLS176	Trần Hoàng	Việt	14	4	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CT1	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Cụm 3	Trung bình
154	TLS034	Phùng Trần	Hải	29	5	2000	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A01	THPT Nguyễn Hiền	Cụm 4	Trung bình
155	TLS109	Doãn Huy	Phát	31	3	2000	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A03	THPT Nguyễn Hiền	Cụm 4	Trung bình
156	TLS107	Lê Thị Tâm	Như	19	3	2000	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11B4	THPT Tân Túc	Cụm 4	Trung bình
157	TLS007	Lê Hữu	Bằng	28	3	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B1	THPT Vĩnh Lộc B	Cụm 4	Trung bình
158	TLS036	Nguyễn Văn	Hải	5	10	2000	Thái Bình	Nam	Kinh	11B8	THPT Vĩnh Lộc B	Cụm 4	Trung bình
159	TLS014	Vũ Ngọc Minh	Châu	16	9	2000	Tp.HCM	Nữ	Kinh	11B1	THPT Gia Định	Cụm 6	Trung bình
160	TLS080	Phạm Trần Phi	Long	20	4	2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A4	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	Trung bình
161	TLS016	Nguyễn Phú	Cường	23	4	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B08	THPT Thanh Đa	Cụm 6	Trung bình
162	TLS010	Võ Chí	Bảo	13	10	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A2	THPT Quang Trung	Cụm 7	Trung bình
163	TLS052	Bùi Thị Kim	Hương	31	7	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A1	THPT Quang Trung	Cụm 7	Trung bình
164	TLS081	Nguyễn Hoàng	Long	7	9	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A6	THPT Quang Trung	Cụm 7	Trung bình
165	TLS095	Trần Thị Hải	My	28	6	2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	11A2	THPT Quang Trung	Cụm 7	Trung bình
166	TLS134	Trần Hoài	Thân	29	9	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A2	THPT Quang Trung	Cụm 7	Trung bình
167	TLS159	Phan Thị Thùy	Trang	2	8	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A1	THPT Quang Trung	Cụm 7	Trung bình
168	TLS173	Lê Thị Thanh	Tuyền	7	2	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A2	THPT Quang Trung	Cụm 7	Trung bình
169	TLS180	Trần Thị Hoàng	Yến	3	7	2000	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	11A4	THPT Quang Trung	Cụm 7	Trung bình

Người lập bảng

Trong danh sách:

SL dự thi: 169

SL Giới: 128

SL Khá: 18

SL T.Bình: 23

Lê Xuân Mẫn

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Hiếu

BẢNG TỔNG HỢP XẾP LOẠI HỘI THI HSG MÔN GDQP&AN CẤP THÀNH PHỐ
Môn thi: Bắn súng AK, bằng máy bắn tập MBT – 0

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm						
1	BS003	Lưu Trương Hoàng	Anh	30	6	2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	11A16	THPT Nguyễn Trãi	Giỏi
2	BS004	Lý Nhật	Anh	8	1	2000	An Giang	Nữ	Kinh	11CT2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Giỏi
3	BS005	Nguyễn Đỗ Hoàng	Anh	24	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A7	THPT Nguyễn Văn Tăng	Giỏi
4	BS006	Nguyễn Lan	Anh	15	9	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A04	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Giỏi
5	BS008	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	30	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A07	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Giỏi
6	BS015	Nguyễn Quốc	Bảo	14	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A07	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Giỏi
7	BS020	Trịnh Anh	Cường	1	12	2000	Hải Dương	Nam	Kinh	11A5	THPT Nguyễn Trãi	Giỏi
8	BS021	Lâm Thành	Danh	23	9	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
9	BS022	Nguyễn Bảo	Đạt	30	3	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A11	THPT Trần Quang Khải	Giỏi
10	BS026	Huỳnh Phước	Đức	28	1	2000	Tiền Giang	Nam	Kinh	11A13	THPT Phú Nhuận	Giỏi
11	BS031	Nguyễn Quang	Dũng	3	3	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A5	THPT Giồng Ông Tố	Giỏi
12	BS037	Hứa Mỹ	Duyên	20	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A04	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
13	BS038	Nguyễn Thị Hoài	Duyên	29	9	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A14	THPT Phú Nhuận	Giỏi
14	BS039	Diệp Dũng	Giang	20	12	2000	TP.HCM	Nam	Hoa	11A14	THPT Trần Quang Khải	Giỏi
15	BS040	Đoàn Kim Hoàng	Giang	23	11	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11SN2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Giỏi
16	BS041	Nguyễn Long	Giang	8	3	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A11	THPT Phú Nhuận	Giỏi
17	BS042	Trần Nguyễn Bảo	Giang	2	3	2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nữ	Kinh	11D2	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	Giỏi
18	BS043	Nguyễn Hoàng Thảo	Hà	25	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A5	THPT Giồng Ông Tố	Giỏi
19	BS046	Nguyễn Thị Gia	Hân	15	2	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A4	THPT Quang Trung	Giỏi
20	BS047	Trần Gia	Hân	2	5	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A14	THPT Phú Nhuận	Giỏi
21	BS049	Lê Minh	Hậu	3	8	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A4	THPT Quang Trung	Giỏi
22	BS056	Lâm Hưng	Hòa	6	12	2000	Phan Thiết	Nam	Hoa	11A11	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
23	BS064	Nguyễn Hoàng	Huy	16	1	2000	TPHCM	Nam	Kinh	11A4	THPT Hoàng Hoa Thám	Giỏi
24	BS065	Trần Thanh	Huy	22	10	2000	701	Nam	Kinh	11A6	THPT Bình Chánh	Giỏi
25	BS067	Lê Đỗ Ngọc	Khanh	25	5	2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	11A07	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Giỏi
26	BS068	Trịnh Phi	Khanh	1	3	2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	11A02	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
27	BS070	Lê Vũ Minh	Khoa	27	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A10	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
28	BS072	Lý Mỹ	Khoan	22	4	2000	TP.HCM	Nữ	Hoa	11A3	THPT Trần Quang Khải	Giỏi
29	BS074	Phạm Minh	Khôi	17	2	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A07	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Giỏi
30	BS075	Phạm Trung	Kiên	8	6	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A14	THPT Phú Nhuận	Giỏi
31	BS079	Lê Quốc	Kiệt	1	10	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A4	THPT Quang Trung	Giỏi
32	BS082	Lương Hoàng Trúc	Linh	2	6	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A14	THPT Phú Nhuận	Giỏi

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm						
33	BS083	Tô Ngọc	Linh	16	10	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A14	THPT Phú Nhuận	Giỏi
34	BS084	Tôn Thất	Linh	20	9	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A14	THPT Phú Nhuận	Giỏi
35	BS087	Bùi Huỳnh	Long	9	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A02	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
36	BS092	Nguyễn Hoàng	Long	10	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
37	BS094	Phạm Thái Hoàng	Long	30	3	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A13	THPT Phú Nhuận	Giỏi
38	BS096	Trần Phi	Long	8	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A06	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
39	BS098	Hoàng Ngọc Phương	Mai	21	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A04	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Giỏi
40	BS099	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	7	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A9	THPT Nguyễn Văn Tăng	Giỏi
41	BS102	Nguyễn Long	Minh	29	7	2000	TPHCM	Nam	Kinh	11A15	THPT Hoàng Hoa Thám	Giỏi
42	BS103	Phạm Hoàng	Minh	14	3	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
43	BS104	Nguyễn Hữu Tuấn	Nam	3	4	2000	Hà Nam	Nam	Kinh	11A2	THPT Trần Hưng Đạo	Giỏi
44	BS106	Lê Gia	Nghi	20	4	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A14	THPT Phú Nhuận	Giỏi
45	BS107	Lê Ngọc Phương	Nghi	24	11	2000	701	Nữ	Kinh	11A2	THPT Bình Chánh	Giỏi
46	BS108	Võ Như	Ngọc	9	6	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A07	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Giỏi
47	BS110	Phạm Quang	Nhã	25	1	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A07	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Giỏi
48	BS111	Huỳnh Đại Quang	Nhân	17	5	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A10	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
49	BS112	Phan Nguyễn Minh	Nhật	7	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11AD2	THPT Giồng Ông Tố	Giỏi
50	BS113	Trần Ngọc Quang	Nhật	7	10	1999	701	Nam	Kinh	11A6	THPT Bình Chánh	Giỏi
51	BS117	Trần Hoài	Phong	23	7	2000	701	Nam	Kinh	11A2	THPT Bình Chánh	Giỏi
52	BS118	Nguyễn Hoàng	Phúc	17	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A08	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
53	BS119	Nguyễn Minh	Phúc	4	10	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A19	THPT Trần Quang Khải	Giỏi
54	BS128	Nguyễn Phúc Minh	Quang	3	5	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A04	THPT Phú Nhuận	Giỏi
55	BS131	Võ Hồ Thanh	Quỳnh	5	3	2000	701	Nữ	Kinh	11A2	THPT Bình Chánh	Giỏi
56	BS134	Dương Thanh	Sơn	18	8	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A4	THPT Nguyễn Văn Tăng	Giỏi
57	BS138	Phạm Phạm Ngọc	Tâm	2	1	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A14	THPT Phú Nhuận	Giỏi
58	BS143	Trần Hà Phương	Thanh	19	10	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A4	THPT Quang Trung	Giỏi
59	BS146	Phạm Trọng	Thảo	6	11	1999	TPHCM	Nam	Kinh	11A1	THPT Hoàng Hoa Thám	Giỏi
60	BS148	Bành Phúc	Thịnh	24	9	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A07	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Giỏi
61	BS149	Vũ Gia	Thịnh	3	5	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CL2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Giỏi
62	BS153	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	17	6	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A11	THPT Phú Nhuận	Giỏi
63	BS158	Lê Thị Cẩm	Tiên	8	4	2000	Bến Tre	Nữ	Kinh	11A4	THPT Quang Trung	Giỏi
64	BS163	Nguyễn Thái	Toàn	30	3	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A07	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Giỏi
65	BS164	Phan Quỳnh Bảo	Trần	28	3	2000	Tp. Hcm	Nữ	Kinh	11A2	THPT Trần Hưng Đạo	Giỏi
66	BS165	Đỗ Thị Huyền	Trang	11	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11AD4	THPT Giồng Ông Tố	Giỏi
67	BS166	Nguyễn Hoàng Phương	Trang	28	6	2000	Bình Dương	Nữ	Kinh	11A14	THPT Phú Nhuận	Giỏi
68	BS167	Nguyễn Lê Ngọc Trung	Trình	16	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A6	THPT Giồng Ông Tố	Giỏi
69	BS169	LÊ ANH	TUẤN	28	9	2000	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A01	THPT Dương Văn Dương	Giỏi
70	BS170	Lê Minh Quốc	Tuấn	11	4	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A11	THPT Phú Nhuận	Giỏi
71	BS175	Phạm Nguyễn Quốc	Việt	20	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A09	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm						
72	BS176	Tô Hoàng	Việt	23	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A08	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
73	BS179	Nguyễn Quốc	Vũ	10	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A04	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
74	BS009	Trần Hoàng Tuấn	Anh	13	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11AD2	THPT Giồng Ông Tố	Khá
75	BS011	Võ Ngọc Lan	Anh	23	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11AD2	THPT Giồng Ông Tố	Khá
76	BS013	Lê Hữu	Bằng	28	3	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11B1	THPT Vĩnh Lộc B	Khá
77	BS023	Nguyễn Võ Thành	Đạt	11	2	2000	701	Nam	Kinh	11A2	THPT Bình Chánh	Khá
78	BS027	Nguyễn Hữu	Đức	20	8	1998	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A4	THPT Quang Trung	Khá
79	BS051	Hồ Thanh	Hiền	9	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
80	BS052	Hồ Minh	Hiếu	6	12	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A16	THPT Nguyễn Trãi	Khá
81	BS054	Phạm Minh	Hiếu	27	9	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CL2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Khá
82	BS055	Lê Thị	Hoa	18	7	2000	Hải Dương	Nữ	Kinh	11A3	THPT Nguyễn Văn Tăng	Khá
83	BS059	Nguyễn Hồng	Huân	28	4	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11SN2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Khá
84	BS060	Nguyễn Minh	Hưng	13	5	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11D2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Khá
85	BS061	Hoàng Đức	Huy	7	4	2000	Tp.hcm	Nam	Kinh	11A14	THPT Nguyễn Trãi	Khá
86	BS066	Nguyễn Đặng Bảo	Khang	8	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A10	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
87	BS069	MAI QUỐC	KHÁNH	30	6	2000	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A11	THPT Dương Văn Dương	Khá
88	BS071	Nguyễn Gia	Khoa	15	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A09	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
89	BS076	Thiều Trung	Kiên	5	4	2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	11A4	THPT Nguyễn Văn Tăng	Khá
90	BS081	Võ Tuấn	Kỳ	27	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
91	BS086	Bùi Đức	Long	21	9	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A07	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Khá
92	BS100	Đỗ Quang	Minh	1	8	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A07	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Khá
93	BS121	Lê Hồng	Phước	5	10	1998	701	Nam	Kinh	11A12	THPT Bình Chánh	Khá
94	BS123	Trần Ngọc Thanh	Phước	22	11	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A4	THPT Quang Trung	Khá
95	BS124	Đoàn Huỳnh Anh	Phương	25	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A07	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Khá
96	BS130	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	16	5	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A07	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Khá
97	BS140	Ngô Quốc	Thái	3	11	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A11	THPT Phú Nhuận	Khá
98	BS142	Nguyễn Ngọc Đan	Thanh	1	1	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A13	THPT Phú Nhuận	Khá
99	BS145	Lê Nhật	Thành	24	6	2000	Thái Bình	Nam	Kinh	11A4	THPT Hoàng Hoa Thám	Khá
100	BS152	ĐỖ ANH	THU	15	11	2000	Hải Dương	Nữ	Kinh	11A10	THPT Dương Văn Dương	Khá
101	BS154	Lê Nguyễn Anh	Thư	5	1	2000	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11CL2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Khá
102	BS155	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	5	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11AD2	THPT Giồng Ông Tố	Khá
103	BS174	Bùi Hoàng	Việt	1	1	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A07	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Khá
104	BS180	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	18	2	2000	Long An	Nữ	Kinh	11A11	THPT Phú Nhuận	Khá
105	BS002	Đoàn Thị Tú	Anh	25	8	2000	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11SN2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Trung bình
106	BS017	Nguyễn Phước	Bình	31	8	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A4	THPT Quang Trung	Trung bình
107	BS019	Đào Duy	Châu	28	2	2000	Tp.hcm	Nam	Kinh	11A1	THPT Trần Hưng Đạo	Trung bình
108	BS028	Nguyễn Hữu Hồng	Đức	23	4	2000	TPHCM	Nam	Kinh	11A13	THPT Hoàng Hoa Thám	Trung bình
109	BS044	Phạm Thu	Hà	17	5	2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	11A12	THPT Phú Nhuận	Trung bình
110	BS045	Nguyễn Văn	Hải	5	10	2000	Thái Bình	Nam	Kinh	11B8	THPT Vĩnh Lộc B	Trung bình

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm						
111	BS093	Nguyễn Thành	Long	5	9	2000	701	Nam	Kinh	11A2	THPT Bình Chánh	Trung bình
112	BS097	Trần Quốc	Long	11	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Thị Định	Trung bình
113	BS105	Nguyễn Huy	Năng	9	5	2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11B1	THPT Vĩnh Lộc B	Trung bình
114	BS141	Nguyễn Chiến	Thắng	1	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A04	THPT Nguyễn Thị Định	Trung bình
115	BS147	Nguyễn Thái Minh	Thiện	20	4	2000	Tp.hcm	Nam	Kinh	11A1	THPT Nguyễn Trãi	Trung bình
116	BS160	Nguyễn Nhật	Tiến	2	4	2000	Khánh Hòa	Nam	Kinh	11D1	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	Trung bình
117	BS161	Trần Trọng	Tiến	10	8	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A6	THPT Giồng Ông Tố	Trung bình
118	BS177	Lê Quốc	Vinh	18	8	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A5	THPT Trần Quang Khải	Trung bình

Người lập bảng

Trong danh sách:

SL dự thi: 118

SL Giỏi: 73

SL Khá: 31

SL T.Bình: 14

Lê Xuân Mẫn

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Hiếu

BẢNG TỔNG HỢP XẾP LOẠI HỘI THI HSG MÔN GDQP&AN CẤP THÀNH PHỐ
Môn thi: Ném lựu đạn trúng đích

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm						
1	NLD086	Nguyễn Bảo	Long	26	7	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A2	THPT Cần Thạnh	Giỏi
2	NLD142	Lê Hùng	Tài	20	11	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A06	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
3	NLD054	Phạm Lê Minh	Hung	6	9	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A03	THPT Nguyễn Huệ	Giỏi
4	NLD090	Nguyễn Hoàng	Long	13	5	2000	Bình Phước	Nam	Kinh	11A8	THCS, THPT Phan Châu Trinh	Giỏi
5	NLD104	Trần Lê	Nam	28	4	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11N	THPT Lê Quý Đôn	Giỏi
6	NLD003	Lê	Ân	26	1	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11D2	THPT Lê Quý Đôn	Giỏi
7	NLD137	Phạm Nguyễn Hoàng	Sinh	25	2	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A8	THPT Quang Trung	Giỏi
8	NLD161	Phan Nhật	Tiến	15	12	1999	Bình Định	Nam	Kinh	11A5	THPT Quang Trung	Giỏi
9	NLD063	Nguyễn Tấn	Khang	26	1	2000	Tp. HCM	Nam	Kinh	11A3	THPT An Nghĩa	Giỏi
10	NLD065	Phùng Vĩnh	Khang	11	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A01	THPT Nguyễn Thị Định	Giỏi
11	NLD084	Nguyễn Thành	Long	11	3	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A09	THPT Ten Lơ Man	Giỏi
12	NLD116	Lê Hồng	Phong	18	3	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A03	THPT Nguyễn Huệ	Giỏi
13	NLD007	Đỗ Trần Gia	Bảo	28	9	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A02	THPT Ten Lơ Man	Khá
14	NLD008	Nguyễn Lê Chí	Bảo	24	5	1999	TP. HCM	Nam	Kinh	11A6	THPT Bình Khánh	Khá
15	NLD014	Dương Minh	Chiến	4	9	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A6	THPT Quang Trung	Khá
16	NLD105	Trần Phương	Nam	9	2	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A7	THPT Cần Thạnh	Khá
17	NLD160	Đỗ Thị Thu	Thùy	6	4	2000	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11B11	THPT Đào Sơn Tây	Khá
18	NLD167	Nguyễn Tá	Trúc	27	4	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A08	THPT Ten Lơ Man	Khá
19	NLD170	Phạm Quốc	Tú	20	7	2000	TP. HCM	Nam	Kinh	11A6	THPT Bình Khánh	Khá
20	NLD050	Trần Lê Minh	Hiếu	22	8	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A6	THPT Quang Trung	Khá
21	NLD078	Nguyễn Hoài Thanh	Lâm	10	8	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A5	THPT Quang Trung	Khá
22	NLD080	Võ Khánh	Linh	26	3	2000	Tp. HCM	Nam	Kinh	11A1	THPT An Nghĩa	Khá
23	NLD082	Nguyễn Tấn	Lộc	10	5	2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A4	THPT Nguyễn Công Trứ	Khá
24	NLD133	Nguyễn Văn	Quyết	25	10	2000	Hưng Yên	Nam	Kinh	11A3	THCS, THPT Phan Châu Trinh	Khá
25	NLD017	Mã Thị	Đào	10	9	2000	Đak Nông	Nữ	Nùng	11A01	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
26	NLD076	Châu Tuấn	Kiệt	7	7	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A10	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
28	NLD013	Chung Hoàng	Bin	17	10	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Chí Thanh	Khá
29	NLD023	Nguyễn Tấn	Đạt	9	12	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A6	THPT Quang Trung	Khá
30	NLD043	TRẦN THANH	THẠNH	12	8	2000	Bình Thuận	Nữ	Kinh	11A1	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
31	NLD045	Trần Văn Ngọc	Hải	1	1	2000	Nghệ An	Nam	Kinh	11B7	THPT Đào Sơn Tây	Khá
32	NLD053	Lâm Thế	Huân	29	5	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A6	THPT Quang Trung	Khá
33	NLD083	TRƯƠNG TUẤN	NAM	10	10	2000	Sóc Trăng	Nam	Hoa	11A2	THPT Nguyễn Tất Thành	Khá

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm						
34	NLD103	Hồ Đông	Minh	25	12	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
35	NLD126	Phạm Văn	Quân	17	4	2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A7	THPT Bình Tân	Khá
36	NLD134	Phạm Mai Hồng	Quỳnh	25	11	2000	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11B6	THPT Đào Sơn Tây	Khá
37	NLD144	Trần Thành	Tâm	25	2	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A05	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
38	NLD149	Nguyễn Hoàng	Thái	2	3	2000	Long An	Nam	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
39	NLD151	Nguyễn Dương Hoàng	Thiện	15	2	2000	TP. HCM	Nam	Kinh	11A2	THPT Bình Khánh	Khá
40	NLD180	ĐÀM CHẤN	MIÊU	2	8	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A5	THPT Trần Quang Khải	Khá
41	NLD113	Phạm Nguyễn Duy	Phát	14	10	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A3	THPT Quang Trung	Khá
43	NLD120	Nguyễn Anh	Tuấn	13	2	2000	TP. HCM	Nam	Kinh	11A1	THPT An Nghĩa	Khá
44	NLD145	Phan Văn	Tân	3	9	1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	11A09	THPT Vĩnh Lộc	Khá
45	NLD150	Bùi Quyết	Thắng	6	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
46	NLD012	Phan Văn	Bảo	11	2	2000	Bến Tre	Nam	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
47	NLD028	Lê Huỳnh	Đức	19	7	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A6	THPT Quang Trung	Khá
48	NLD031	Trần Quốc Bảo	Duy	10	12	2000	TP. HCM	Nam	Kinh	11A3	THPT An Nghĩa	Khá
49	NLD079	Nguyễn Hoài	Liêm	17	10	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A8	THPT Quang Trung	Khá
50	NLD094	Lê Quang	Long	11	5	2000	An Giang	Nam	Kinh	11A10	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
51	NLD125	Huỳnh Minh	Phương	10	6	2000	TP. HCM	Nam	Kinh	11A4	THPT Bình Khánh	Khá
52	NLD127	Nguyễn Hoàng	Quân	26	9	2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A09	THPT Vĩnh Lộc	Khá
53	NLD006	Bùi Văn	Bách	12	7	2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11A4	THPT Nguyễn Công Trứ	Khá
54	NLD024	Lưu Văn Thành	Đạt	6	12	2000	Bình Dương	Nam	Kinh	11B8	THPT Đào Sơn Tây	Khá
55	NLD102	Phan Hoàng	Minh	17	4	2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A5	THPT Nguyễn Công Trứ	Khá
56	NLD110	Đỗ Văn	Nguyên	19	10	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A06	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
57	NLD158	Trịnh Phú	Thuận	18	2	2000	TPHCM	Nam	Kinh	11A10	THPT Bình Tân	Khá
58	NLD048	Nguyễn Tấn	Hiếu	6	11	2000	TP. HCM	Nam	Kinh	11A3	THPT An Nghĩa	Khá
59	NLD066	Đoàn Nguyễn Quốc	Khanh	4	8	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Chí Thanh	Khá
60	NLD075	Vũ Tấn	Kiệt	23	3	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Chí Thanh	Khá
61	NLD162	Trần Hữu	Tiến	24	7	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A03	THPT Nguyễn Huệ	Khá
62	NLD001	Phạm Huỳnh Xuân	An	9	12	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A2	THPT Cần Thạnh	Khá
63	NLD061	Trương Tuấn	Kha	16	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A02	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
64	NLD108	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	6	9	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A13	THPT Nguyễn Chí Thanh	Khá
65	NLD114	Phan	Phi	5	4	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Thị Định	Khá
66	NLD118	Võ Tấn	Phú	20	8	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A5	THPT Quang Trung	Khá
67	NLD128	Trần Thanh	Quân	24	6	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A5	THPT Quang Trung	Khá
68	NLD164	Nguyễn Ngọc Hữu	Tin	1	11	2000	Bình Định	Nam	Kinh	11A03	THPT Nguyễn Huệ	Khá
69	NLD047	Bùi Minh	Hiền	23	5	2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Công Trứ	Khá
70	NLD087	Nguyễn Tấn	Long	20	7	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A1	THPT Cần Thạnh	Khá
71	NLD100	Nguyễn Xuân Nhật	Minh	6	12	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11CA2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Khá
72	NLD139	Nguyễn Thái	Son	26	1	2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A4	THPT Nguyễn Công Trứ	Khá
73	NLD156	Trần Trí	Thông	18	3	2000	TP. HCM	Nam	Kinh	11A1	THPT Bình Khánh	Khá

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm						
74	NLD179	HUỖNH THANH	TIÊN	20	8	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A12	THPT Trần Quang Khải	Khá
75	NLD140	TRƯỜNG KINH	LONG	25	10	2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A11	THPT Nguyễn Công Trứ	Trung bình
76	NLD166	Nông Thế	Toàn	25	3	2000	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11A6	THPT Trần Văn Giàu	Trung bình
77	NLD025	Trần Thành	Đạt	20	12	2000	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11B3	THPT Đào Sơn Tây	Trung bình
78	NLD073	Trần Vĩ	Kiên	7	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A09	THPT Ten Lơ Man	Trung bình
79	NLD081	Nguyễn Phạm Hải	Linh	11	11	2000	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11B5	THPT Đào Sơn Tây	Trung bình
80	NLD109	Tăng Vĩ	Nguyên	30	11	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	11A6	THCS, THPT Phan Châu Trinh	Trung bình
81	NLD112	Nguyễn Tiến	Phát	15	4	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A14	THPT Trần Quang Khải	Trung bình
82	NLD115	Nguyễn Tấn	Phong	24	6	2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A5	THPT Quang Trung	Trung bình
83	NLD059	LƯU UYÊN	NGUYỄN	4	11	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A5	THPT Nguyễn Thị Định	Trung bình
84	NLD143	Triệu Minh	Tâm	20	4	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A3	THPT Quang Trung	Trung bình
85	NLD165	Lê Hứa Song	Toàn	9	1	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11D1	THPT Lê Quý Đôn	Trung bình
86	NLD074	Huỳnh Anh	Kiệt	19	2	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A6	THPT Trần Quang Khải	Trung bình
87	NLD077	Nguyễn Hoàng	Lâm	19	2	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A8	THPT Bình Tân	Trung bình
88	NLD138	Nguyễn Vũ Trung	Son	25	8	2000	TP Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Trung bình
89	NLD146	Trần Ngọc	Thạch	31	1	2000	Long An	Nam	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Thị Định	Trung bình
90	NLD171	Phạm Thanh	Tú	10	5	2000	Bình Dương	Nam	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Thị Định	Trung bình
91	NLD178	Phan Minh	Vũ	8	1	2000	Bình Định	Nam	Kinh	11A01	THPT Nguyễn Thị Định	Trung bình
92	NLD092	Lê	Long	1	4	2000	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A8	THPT Trần Văn Giàu	Trung bình
93	NLD175	Đỗ Anh	Tuấn	13	5	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A3	THPT Quang Trung	Trung bình
94	NLD155	Hồ Hoàng	Thịnh	13	9	2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A01	THPT Vĩnh Lộc	Trung bình
95	NLD173	Trương Quang	Tuấn	20	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	11A03	THPT Ten Lơ Man	Trung bình
96	NLD004	Lương Tuấn	Anh	27	1	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A03	THPT Nguyễn Huệ	Trung bình
97	NLD041	Nguyễn Sơn	Hà	21	10	2000	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11A4	THPT Cần Thạnh	Trung bình
98	NLD177	Lê Trường	Vũ	28	4	2000	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	11A6	THPT Trần Văn Giàu	Trung bình

Người lập bảng

Trong danh sách:

SL dự thi: 96

SL Giới: 12

SL Khá: 60

SL T.Bình: 24

Lê Xuân Mẫn

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

BẢNG TỔNG HỢP XẾP LOẠI HỘI THI HSG MÔN GDQP&AN CẤP THÀNH PHỐ
Môn thi: Đội ngũ

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
1	DN0009	Nguyễn Thị Thùy	Dung	20	11	1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
2	DN0009	Tăng Lê Phú	Dũng	16	5	1999	An Giang	Nam	Kinh	12A07	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
3	DN0009	Tô Ngọc	Hân	15	8	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A05	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
4	DN0009	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	14	2	1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A07	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
5	DN0009	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	20	7	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12A07	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
6	DN0009	Lương Huyền	Trang	20	6	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A01	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
7	DN0009	Mai Thị	Trang	13	8	1999	Ninh Bình	Nữ	Kinh	12A07	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
8	DN0009	Trần Tuấn	Vĩ	17	12	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A07	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
9	DN0009	Trần Anh	Vũ	21	5	1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12A06	THPT Nguyễn Thị Định	Cụm 9	Giỏi
10	DN0002	Trần Ngô Tiến	Anh	30	11	1999	TpHCM	Nam	Kinh	12A2	THPT Long Thới	Cụm 2	Giỏi
11	DN0002	Đặng Thế	Cang	24	5	1999	TpHCM	Nam	Kinh	12A6	THPT Long Thới	Cụm 2	Giỏi
12	DN0002	Nguyễn Tiến	Đạt	24	5	1999	Hà Nội	Nam	Kinh	12A6	THPT Long Thới	Cụm 2	Giỏi
13	DN0002	Nguyễn Thanh	Đức	1	12	1999	TpHCM	Nam	Kinh	12A6	THPT Long Thới	Cụm 2	Giỏi
14	DN0002	Lê Văn	Giàu	15	10	1999	TpHCM	Nam	Kinh	12A6	THPT Long Thới	Cụm 2	Giỏi
15	DN0002	Đoàn Gia	Quốc	22	9	1999	TpHCM	Nam	Kinh	12A6	THPT Long Thới	Cụm 2	Giỏi
16	DN0002	Lê Văn	Sang	15	10	1999	TpHCM	Nam	Kinh	12A6	THPT Long Thới	Cụm 2	Giỏi
17	DN0002	Nguyễn Hoàng	Toàn	16	3	1999	TpHCM	Nam	Kinh	12A6	THPT Long Thới	Cụm 2	Giỏi
18	DN0002	Phạm Vương	Tuấn	7	6	1999	TpHCM	Nam	Kinh	12A6	THPT Long Thới	Cụm 2	Giỏi
19	DN0003	Vũ Nguyệt	Linh	20	4	1999	TP.HCM	Nữ	Kinh	12A18	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi
20	DN0003	Lữ Gia	Mẫn	21	8	1999	TP.HCM	Nữ	Hoa	12A18	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi
21	DN0003	Đào Thị Tuyết	Ngân	19	6	1999	Long An	Nữ	Kinh	12A18	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi
22	DN0003	Vũ Quỳnh	Như	10	11	1999	TP.HCM	Nữ	Kinh	12A18	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi
23	DN0003	Đỗ Thiện Thảo	Trân	7	12	1999	TP.HCM	Nữ	Kinh	12A18	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi
24	DN0003	Dương Thị Thanh	Tuyền	1	12	1999	TP.HCM	Nữ	Kinh	12A18	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi
25	DN0003	Hà Thị Hồng	Tuyết	4	5	1999	TP.HCM	Nữ	Kinh	12A18	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi
26	DN0003	Nguyễn Tường	Vi	4	2	1998	Cần Thơ	Nữ	Kinh	12A18	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi
27	DN0003	Đoàn Thanh	Vy	28	10	1999	TP.HCM	Nữ	Kinh	12A18	THPT Hùng Vương	Cụm 3	Giỏi
28	DN0006	Lâm Quốc	Bảo	7	1	1999	Tp.HCM	Nam	Kinh	12A1	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
29	DN0006	Trần Thanh	Hải	1	2	1999	Tp.HCM	Nam	Kinh	12A2	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
30	DN0006	Tổng Huy	Hoàng	22	4	1999	Tp.HCM	Nam	Kinh	12A1	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
31	DN0006	Trịnh Vũ Minh	Hùng	5	3	1999	Cà Mau	Nam	Kinh	12A2	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
32	DN0006	Lê Trung	Huy	25	5	1999	Tp.HCM	Nam	Kinh	12A2	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
33	DN0006	Lương Hồng	Phúc	10	5	1999	Tp.HCM	Nam	Kinh	12A2	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
34	DN0006	Hồ Minh	Quang	31	10	1999	Tp.HCM	Nam	Kinh	12D1	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
35	DN0006	Trần Minh	Quân	26	4	1999	Tp.HCM	Nam	Kinh	12A2	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
36	DN0006	Vương Quang	Vinh	6	3	1999	Tp.HCM	Nam	Kinh	12A2	THPT Gia Định	Cụm 6	Giỏi
37	DN0005	Trương Tuấn	Anh	8	6	1999		Nam	Kinh	12C4	THCS-THPT TRÍ ĐỨC	Cụm 5	Giỏi
38	DN0005	Lao Chí	Bảo	13	8	1999		Nam	Kinh	12C2	THCS-THPT TRÍ ĐỨC	Cụm 5	Giỏi
39	DN0005	Nguyễn Hữu	Dương	23	11	1999		Nam	Kinh	12C2	THCS-THPT TRÍ ĐỨC	Cụm 5	Giỏi
40	DN0005	Lâm Huỳnh	Đức	24	10	1999		Nam	Kinh	12C4	THCS-THPT TRÍ ĐỨC	Cụm 5	Giỏi
41	DN0005	Nguyễn Minh	Hiếu	5	9	1999		Nam	Kinh	12C4	THCS-THPT TRÍ ĐỨC	Cụm 5	Giỏi
42	DN0005	Lê Thanh	Lâm	16	4	1999		Nam	Kinh	12C4	THCS-THPT TRÍ ĐỨC	Cụm 5	Giỏi
43	DN0005	Nguyễn Huy Nhật	Linh	10	4	1998		Nam	Kinh	12C2	THCS-THPT TRÍ ĐỨC	Cụm 5	Giỏi
44	DN0005	Nguyễn Hoàng	Nam	20	3	1999		Nam	Kinh	12C4	THCS-THPT TRÍ ĐỨC	Cụm 5	Giỏi
45	DN0005	Huỳnh Tấn	Thọ	9	1	1999		Nam	Kinh	12C4	THCS-THPT TRÍ ĐỨC	Cụm 5	Giỏi
46	DN0004	Huỳnh Ngọc	Ánh	18	6	1999		Nữ		12C7	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Cụm 4	Giỏi
47	DN0004	Lưu Thanh	Hải	9	6	1999		Nữ		12C6	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Cụm 4	Giỏi
48	DN0004	Lê Minh Ngọc	Hạnh	12	12	1999		Nữ		12C8	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Cụm 4	Giỏi
49	DN0004	Võ Thị Kim	Liên	1	2	1999		Nữ		12C8	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Cụm 4	Giỏi
50	DN0004	Nguyễn Thị Phương	Liều	18	12	1999		Nữ		12C6	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Cụm 4	Giỏi
51	DN0004	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	9	10	1999		Nữ		12C7	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Cụm 4	Giỏi
52	DN0004	Võ Thị Tuyết	Nhung	25	12	1999		Nữ		12C8	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Cụm 4	Giỏi
53	DN0004	Lê Thị Anh	Thư	28	9	1999		Nữ		12C6	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Cụm 4	Giỏi
54	DN0004	Đặng Thị Bích	Tuyền	4	6	1999		Nữ		12C6	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Cụm 4	Giỏi
55	DN0008	Nguyễn Hồng	Anh	28	10	1999	Cần Thơ	Nữ	Kinh	12L1	THCS - THPT Hoa Sen	Cụm 8	Giỏi
56	DN0008	Lê Ngọc	Cánh	21	12	1999	Bình Dương	Nữ	Kinh	12L2	THCS - THPT Hoa Sen	Cụm 8	Giỏi
57	DN0008	Phạm Thúy	Hà	12	11	1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	12L1	THCS - THPT Hoa Sen	Cụm 8	Giỏi
58	DN0008	Võ Nguyễn Bảo	Hân	3	1	1999	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	12L1	THCS - THPT Hoa Sen	Cụm 8	Giỏi
59	DN0008	Nguyễn Hoàng Giao	Linh	29	3	1999	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	12H1	THCS - THPT Hoa Sen	Cụm 8	Giỏi
60	DN0008	Trần Diễm	Mi	11	12	1999	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12L1	THCS - THPT Hoa Sen	Cụm 8	Giỏi
61	DN0008	Tạ Thị Thanh	Nhi	1	1	1999	Bình Định	Nữ	Kinh	12L3	THCS - THPT Hoa Sen	Cụm 8	Giỏi
62	DN0008	Nguyễn Phạm Ngọc	Thảo	23	10	1998	Bà Rịa- Vũng Tàu	Nữ	Kinh	12H1	THCS - THPT Hoa Sen	Cụm 8	Giỏi
63	DN0008	Lê Hữu Thảo	Vy	15	7	1999	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12D1	THCS - THPT Hoa Sen	Cụm 8	Giỏi
64	DN0001	Lê Thị Ngọc	Ánh	27	10	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A1	THPT Lê Thị Hồng Gấm	Cụm 1	Khá
65	DN0001	Nguyễn Vinh	Hào	28	10	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A1	THPT Lê Thị Hồng Gấm	Cụm 1	Khá
66	DN0001	Lê Thị Thu	Huyền	26	12	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A1	THPT Lê Thị Hồng Gấm	Cụm 1	Khá
67	DN0001	Tô Phúc	Khang	16	6	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A1	THPT Lê Thị Hồng Gấm	Cụm 1	Khá
68	DN0001	Nguyễn Đỗ Quang	Lộc	9	9	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A1	THPT Lê Thị Hồng Gấm	Cụm 1	Khá
69	DN0001	Nguyễn Hoàng Khánh	Ngân	12	5	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A1	THPT Lê Thị Hồng Gấm	Cụm 1	Khá
70	DN0001	Trần Nhật	Quang	4	8	2000	TP.HCM	Nam	Kinh	11A1	THPT Lê Thị Hồng Gấm	Cụm 1	Khá
71	DN0001	Đoàn Phạm Hoàn	Trúc	19	8	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A1	THPT Lê Thị Hồng Gấm	Cụm 1	Khá

STT	SBD	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Cụm	Xếp loại
				Ngày	Th	Năm							
72	DN0001	Dương Đăng Như	Ý	28	7	2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	11A1	THPT Lê Thị Hồng Gấm	Cụm 1	Khá
73	DN0007	Hà Thanh	Bình	13	11	1999	Hải Dương	Nam	Kinh	12C08	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
74	DN0007	Nguyễn Minh	Đức	3	3	1999	Thái Nguyên	Nam	Kinh	12C08	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
75	DN0007	Tô Hồng	Hải	26	7	1999	Tp.hcm	Nam	Kinh	12C08	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
76	DN0007	Võ Lê Gia	Hưng	31	1	1999	Tp.hcm	Nam	Kinh	12C08	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
77	DN0007	Nguyễn Phúc	Khang	12	12	1999	TP. HCM	Nam	Kinh	12C08	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
78	DN0007	Đoàn Trường	Nhật	13	8	1999	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C08	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
79	DN0007	Nguyễn Nhật	Tân	16	10	1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C08	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
80	DN0007	Trần Thiện	Toàn	16	8	1999	Tp.hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C08	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá
81	DN0007	Nguyễn Đức	Trung	30	3	1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	12C08	THPT Võ Trường Toản	Cụm 7	Khá

Người lập bảng

Trong danh sách:

SL dự thi: 81

SL Giỏi:

SL Khá:

SL T.Bình:

SL K.đạt:

Lê Xuân Mẫn

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Hiếu